

Số: 1230/TMBG-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 13 tháng 09 năm 2024

THƯ MỜI KHẢO SÁT VÀ BÁO GIÁ

**Đơn hàng: Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên
Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 năm 2025**

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý đơn vị.

Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV kính mời Quý đơn vị tham gia khảo sát và báo giá lập dự toán cung cấp vật tư thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 năm 2025 với các yêu cầu như sau:

I. Yêu cầu đối với phần vật tư:

1. Danh mục, khối lượng vật tư; đặc tính, thông số kỹ thuật vật tư: chi tiết theo Phụ lục 1. Danh mục, khối lượng vật tư đề nghị báo giá đính kèm.

2. Yêu cầu về tính hợp lệ, đặc tính, thông số kỹ thuật của vật tư:

Vật tư báo giá phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh xuất xứ và chất lượng theo quy định, cụ thể:

(i) Đối với vật tư nhập khẩu phải cung cấp **Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)** do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu phát hành và **Giấy chứng nhận chất lượng hàng hoá (C/Q)** do đơn vị sản xuất vật tư phát hành (hoặc các tài liệu chứng minh xuất xứ và chất lượng tương đương khác);

(ii) Đối với vật tư sản xuất tại Việt Nam phải cung cấp **Giấy chứng nhận chất lượng hàng hoá** hoặc **Giấy chứng nhận xuất xưởng** do đơn vị sản xuất vật tư phát hành (hoặc các tài liệu chứng minh chất lượng tương đương khác);

- Vật tư báo giá phải mới 100%, chưa qua sử dụng, có đặc tính, thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu.

Báo giá phải có đầy đủ thông tin của vật tư, bao gồm: tên vật tư, ký mã hiệu, quy cách, đặc tính, thông số kỹ thuật, đơn vị tính, số lượng, nhà sản xuất và xuất xứ của vật tư, thời gian bảo hành, địa điểm và tiến độ giao hàng.

- Nhà cung cấp có thể khảo sát các thiết bị đang sử dụng thực tế tại Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV nhằm đảm bảo vật tư báo giá cung cấp phù hợp và lắp đặt đồng bộ với thiết bị sẵn có của Bên mời báo giá.

II. Yêu cầu đối với báo giá:

1. Yêu cầu về tính hợp lệ của báo giá:

Báo giá của Quý đơn vị được đánh giá là hợp lệ khi có đủ các thông tin, tài liệu và đáp ứng các yêu cầu sau:

- Báo giá do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp (kèm theo giấy uỷ quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương

đương khác).

- Cung cấp kèm theo báo giá 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép kinh doanh đối với các vật tư kinh doanh có điều kiện (nếu có);

Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 60 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá theo quy định của văn bản mời báo giá.

2. Yêu cầu về các điều khoản thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước (*thể hiện rõ thuế suất thuế GTGT cho vật tư, dịch vụ báo giá*); đơn giá đối với phần vật tư được hiểu là giá giao hàng tại kho bên mua;

- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV tại Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;

- Đề nghị Quý đơn vị báo giá cho toàn bộ danh mục, khối lượng vật tư theo yêu cầu của văn bản mời báo giá.

IV. Thời gian và địa chỉ nhận báo giá:

- Thời gian nhận báo giá: trước 14 h00 phút, ngày 23 tháng 9 năm 2024.

- Địa chỉ nhận báo giá: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV số 10, đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, điện thoại 02633976888. (*Hồ sơ báo giá nộp trực tiếp – người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và bản sao CMND hoặc CCCD còn giá trị*), hoặc gửi đồng thời qua 2 địa chỉ Email: vanthudn52012@gmail.com và tochuyengiaden5@gmail.com. (*Đối với các hồ sơ báo giá được gửi thông qua e-mail thì đề nghị Quý đơn vị cung cấp bản gốc hồ sơ báo giá cho chúng tôi qua dịch vụ chuyển phát hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên*).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Vũ Duy Dương - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0979338677).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang Website TKV (Để đăng tải);
- Trang Website dienluctkv.vn (Để đăng tải);
- Lưu Văn thư, KHVTĐT (D 01)





PHỤ LỤC 1: DANH MỤC, KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ
(Kèm theo ~~Văn bản~~ **ĐƠN MỜI BÁO GIÁ** số 4230 /TMBG-ĐN5 ngày 13 tháng 7 năm 2024)

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
	Hệ thống tuabin và thiết bị đi kèm										
	Kiểm tra tổng thể bên ngoài (buồng xoắn, vỏ tuabin, ống hút).										
	Vật tư phụ:										
1	Đá mài nhám Ø100mm	Ø100mm		viên	10						
2	Giấy nhám P800	Loại: P800 KT: 230x280mm		tờ	5						
3	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		Kg	35						
4	Que hàn điện 2,5mm	KT: Ø2,5mm x 300mm		Kg	10						
5	Sơn chống rỉ màu xám Expo 910	Epoxy 2 thành phần màu xám 910		Kg	15						
6	Sơn Á Đông 7032	Epoxy 2 thành phần màu xám (mã màu để tham khảo 7032)		kg	40						
7	Dung môi pha sơn Thinner 066 EP	Thinner 066 EP		lít	6						
8	Chổi quét sơn 3"	Loại: 3" inch, cán nhựa		cái	20						
9	Cọ lăn sơn 15cm	Loại: 15cm, cán nhựa		Cái	16						
10	Bóng đèn led búp 12W	Loại: Bulb Led Đui xoáy E27 12W Điện áp 220VAC Màu ánh sáng: trắng		Cái	2						
11	Bát đánh ri Ø100mm	Ø100mm		Cái	10						
12	Dây cảnh báo an toàn	Độ dài: 100 m Màu sắc: Trắng đỏ/vàng đen Độ rộng: 8 cm		cuộn	4						
13	Loctite 243	Dung tích: 50 ml		tuýp	1						
14	Loctite 406	Dung tích: 20ml		chai	1						
15	Loctite 565	Dung tích: 50ml		chai	2						
16	Gioăng cao su tròn Ø9mm	Vật liệu NBR; Áp lực (max): 70-140bar; Nhiệt độ: -30 đến 110 °C; Đường kính: Ø9mm, Chịu dầu chịu nhiệt, tiêu chuẩn ISO9001		m	10						
17	Gioăng cao su tròn Ø7mm	Vật liệu NBR; Áp lực (max): 70-140bar;		m	10						

///s.d/

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Bvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
18	Cao su non	Nhiệt độ: -30 đến 110 °C; Đường kính: Ø7mm, Chịu dầu chịu nhiệt, tiêu chuẩn ISO9001		cuộn	5						
19	RP7 300g	Chất liệu: PTFE. Kích thước: 0.075x12mm Dài 10m		chai	7						
	Kiểm tra bên trong										
	Vật tư phụ:										
20	Đá mài nhám Ø100mm			viên	16						
21	Dây ni lông D16mm			m	10						
22	Giấy nhám P600 230x280mm	Loại: P600 KT: 230x280mm		tờ	10						
23	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu		Kg	30						
24	Que hàn điện 2,5mm	KT: Ø2,5mm x 300mm		Kg	10						
25	Thuốc thử màu kiểm tra vết nứt Mega check cleaner : 1,3	Dung tích: 450ml		chai	20						
26	Thuốc thử màu kiểm tra vết nứt Mega check Penetrant : 2	Dung tích: 450ml		chai	20						
27	Thuốc thử màu kiểm tra vết nứt Mega check Developer : 4	Dung tích: 450ml		chai	20						
28	Đá cắt sắt Ø300mm			viên	1						
29	Tấm cao su dày 4mm	Khổ giỡng rộng: 1m; Chiều dày: 4mm; Loại: chịu dầu, chịu nhiệt; Đáp ứng tiêu chuẩn: ANSI, JIS, DIN, BS...		m ²	10						
30	Kéo dãn 650 độ F	Khối lượng: 85Gr		Chai	4						
	Tổng kiểm tra trực và các ổ trục										
	Vật tư chính:										
31	Cảm biến nhiệt độ 120mm	- Kiểu đầu dò RTD: Loại ống cứng, dạng vít lỏng - Nhiệt độ hoạt động ở ° C: -50 đến +260°C; - Cảm biến: 1 x Pt100, 3 dây. - Dung sai: Class B;		Cái	8						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
		- Chiều dài đầu cảm biến: ~120mm; - Đường kính cảm biến: Ø12mm - Kiểu kết nối: G1/2"; - Đầu cuối cáp kết nối: theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất; - Chiều dài cáp kết nối: 8m; - Vật liệu bảo vệ cáp: PTFE - Có dây chống nhiễu, Bảo vệ cáp bằng ống inox, chiều dài bảo vệ (1-1,5)m tính từ đầu ren RTD									
32	Cảm biến nhiệt độ 50mm	- Kiểu đầu dò RTD: Loại ống cứng, dạng vít cố định - Nhiệt độ hoạt động ở ° C: -50 đến +260°C; - Cảm biến: 1 x Pt100, 3 dây. - Dung sai: Class B; - Chiều dài đầu cảm biến: ~50mm; - Đường kính cảm biến: Ø12mm - Kiểu kết nối: G1/2"; - Đầu cuối cáp kết nối: theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất; - Chiều dài cáp kết nối: 8m; - Vật liệu bảo vệ cáp: PTFE - Có dây chống nhiễu, Bảo vệ cáp bằng ống inox, chiều dài bảo vệ (1-1,5)m tính từ đầu ren RTD		Cái	2						
33	Gioăng cao su tròn Ø8mm	Vật liệu NBR; Áp lực (max): 70-140bar; Nhiệt độ: -30 đến 110 oC; Đường kính: Ø8mm, Chịu dầu chịu nhiệt, tiêu chuẩn ISO9001...		m	40						
34	Gioăng cao su tròn Ø9mm	Vật liệu NBR; Áp lực (max): 70-140bar; Nhiệt độ: -30 đến 110 °C; Đường kính: Ø9mm, Chịu dầu chịu nhiệt, tiêu chuẩn ISO9001		m	10						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
58	Phốt làm kín	Phốt làm kín: GY1-110122: YX 110*122*14		Cái	4						
59	Phốt làm kín:	"Phốt làm kín: Slide ring for piston GSF: GSF2800 (280*259*8.1		Cái	4						
60	Phốt dẫn hướng:	Phốt dẫn hướng: GST5915: 5915-D280		Cái	6						
61	Phốt cán bụi	Phốt cán bụi FP6:110*122.2*7.2/12		Cái	4						
62	Oring chịu dầu nhiệt, chịu áp	Oring chịu dầu nhiệt, chịu áp: f7x268mm		Cái	6						
63	Oring chịu dầu nhiệt, chịu áp	Oring chịu dầu nhiệt, chịu áp: f5.3x80mm		Cái	6						
64	Oring chịu dầu nhiệt, chịu áp	Oring chịu dầu nhiệt, chịu áp: f5.3x71.5mm		cái	6						
65	Oring chịu dầu nhiệt, chịu áp	Oring chịu dầu nhiệt, chịu áp: f5.3x82.5mm		Cái	6						
66	Oring chịu dầu nhiệt, chịu áp	Oring chịu dầu nhiệt, chịu áp: f5.3x50mm		Cái	6						
67	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	30						
	Van phá chân không										
	Vật tư phụ:										
68	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		Kg	6						
69	Bạc van phá chân không	(DxdxH) = 42x38,2x38mm, khe hở 2mm		cái	4						
	Bom Headcover										
	Vật tư phụ:										
70	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		Kg	12						
	Tủ thiết bị điện tuabin										
	Vật tư phụ:										
71	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		Kg	30,00						
72	Băng keo điện	Loại: màu đen, 20Y		Cuộn	6,00						
73	Dây rút nhựa 4x200mm	4x200mm		cái	1.000						
74	Chổi lông gà 200mm	200mm		Cái	6,00						
75	Dây rút nhựa 5x300mm	5x300mm		cái	70,00						
76	Dây rút nhựa 8x400mm	8x400mm		cái	40,00						
77	Cầu chì sứ 5x25mm, 10A	Loại: gG Kích thước: 5x25mm Dòng điện:10A		cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Vt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
78	Cầu chì sứ 5x25mm, 3A	Loại: gG Kích thước: 5x25mm Dòng điện: 3A		cái	4,00						
79	Đèn báo xanh 24VDC	Loại: Màu xanh lá Điện áp: 24VDC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	2,00						
80	Đèn báo vàng 24VDC	Loại: Màu vàng Điện áp: 24VDC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	1,00						
81	Đồng hồ giám sát lưu lượng nước SAIL-F8-8-0-2-12-N-W	Kích thước: 160x80x110mm Dài đo: 0-99999m ³ /h Cấp chính xác: 0,1%FS+1rđ Độ phân giải: 0,01rđ Phương pháp báo động: AL1, AL2 Chuyển đổi ra: 4-20mA Tín hiệu vào: 4-20mA (áp suất) Nguồn cấp: DC24V/6A		cái	1,00						
82	Bộ nguồn Quint-PS-100-240AC/24DC/10	Điện áp đầu vào: 85-264VAC và 90-350VDC Điện áp đầu ra: 24DC/10A Kết nối song song: Có, để dự phòng và tăng công suất Kích thước: 140 x 120 x 85mm		Cái	1,00						
83	Quạt tủ điện AF215HSL	Điện áp nguồn: 220-240VAC Dòng điện: 0,20A Công suất: 37/42W Tốc độ: 2500/3100RPM Lưu lượng khí: 198/235CFM Áp suất tĩnh: 0.5/0.7m ³ /min Độ ồn: 55/60dBA Kích thước: 150x150x50mm		Cái	1,00						
84	Cầu chì sứ 5x25mm 6A	Loại: gG Kích thước: 5x25mm Dòng điện: 3A		Cái	1,00						
85	Đồng hồ đo dòng điện 75A	Loại: kim chỉ thị Dài đo: 0-75A, 75/5A, Kích thước mặt: 80x80mm		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Dvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
86	Đồng hồ đo điện áp 450VAC	Loại: kim chỉ thị Dải đo: 0-450VAC Kích thước mặt: 80x80mm		Cái	1,00						
87	Rơ le trung gian 14 chân dẹp 24VDC	Loại: 14 chân dẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 24VDC Tiếp điểm: 4C/O; Tiếp điểm 10A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN có kèm diode + đế		Cái	2,00						
88	Rơ le trung gian 11 chân tròn 24VDC	Loại: 11 chân tròn, có đèn Điện áp cuộn dây: 24VDC Tiếp điểm: 3C/O; Tiếp điểm 10A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN Có đính kèm diode + đế		Cái	2,00						
89	Rơ le trung gian 14 chân dẹp 220VDC	Loại: 14 chân dẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 220VDC Tiếp điểm: 4C/O; Tiếp điểm 10A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN Có kèm diode		Cái	1,00						
90	Rơ le trung gian 11 chân tròn 220VDC	Loại: 11 chân tròn, có đèn Điện áp cuộn dây: 220VDC Tiếp điểm: 3C/O; Tiếp điểm 10A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN Có đính kèm diode		Cái	1,00						
91	Đèn báo đỏ 24VDC	Loại: Màu đỏ Điện áp: 24VDC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	1,00						
	Hút hơi dầu										
92	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	8,00						
93	Vòng bi 6204ZZ/C3	6204ZZ/C3		cái	2,00						
94	Dây rút nhựa 5x300	5x300mm		cái	100,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Dvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
95	Dây rút nhựa 4x200	4x200mm		cái	100,00						
96	Dây rút nhựa 10x500mm	10x500mm		cái	100,00						
97	Đèn báo Màu xanh 220VAC	Loại: Màu xanh lá Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	2,00						
98	Đèn báo Màu đỏ 220VAC	Loại: Màu đỏ Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	2,00						
	MÁY PHÁT ĐIỆN										
	Stator										
	Vật tư chính:										
99	Long đen vênh, chịu lực M16	M16		cái	30						
100	Long đen vênh, chịu lực M12	M12		cái	30						
101	Long đen phẳng, chịu lực M12	M12		cái	20						
102	Long đen phẳng, chịu lực M16	M16		cái	20						
103	Bu lông ốc M6x15	M6x15		bộ	30						
	Vật tư phụ:										
104	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		Kg	20						
105	Vải phin trắng	Rộng 0,85m		m	30						
106	Côn công nghiệp	70 độ		lít	30						
107	Sơn màu ghi EXPO 910	Epoxy 2 thành phần màu xám		Kg	30						
108	Sơn chống gỉ Expo màu ghi Á Đông ATP547-165	Epoxy 2 thành phần màu xám		Kg	10						
109	Rulo lăn sơn 7"	Loại: 21cm, cán nhựa		cái	6						
110	Chổi quét sơn 5"	Loại: 3", cán nhựa		Cái	6						
111	Băng keo điện	Loại: 20Y		cuộn	4						
	Rotor										
	Vật tư phụ:										
112	Vải phin trắng	0,85m		m	10						
113	Côn công nghiệp	70 độ		lít	20						
114	Chổi quét sơn 3" cán nhựa	3" cán nhựa		Cái	10						
115	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		Kg	6						
116	Sơn màu ghi (ADONG ATP547-165)	Epoxy 2 thành phần màu ghi		Kg	36						
117	Rulo lăn sơn 7"	7"		cái	5						
118	Sơn chống gỉ Expo màu đỏ	Epoxy 2 thành phần màu đỏ		Kg	15						
119	Bát đánh ri Ø100mm	Ø100mm		Cái	10						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
120	Long đèn vênh, chịu lực M16	M16		Cái	30						
121	Long đèn vênh, chịu lực M14	M14		Cái	30						
122	Long đèn phẳng, chịu lực M16	M16		Cái	30						
123	Long đèn phẳng, chịu lực M14	M14		Cái	30						
124	Bulong M6x15mm kèm long đen	M6x15mm		Cái	30						
	Hệ thống phanh máy phát										
125	Băng keo điện	Loại: 20Y		cuộn	2						
126	Gioăng xilanh thẳng	Chịu dầu Chịu áp 160 bar, NBA 75, Shore Ø7x185mm đường kính ngoài		cái	20						
127	Gioăng xilanh thẳng	Chịu dầu Chịu áp 160 bar, NBA 75, Shore Ø7x125mm đường kính ngoài		cái	12						
128	Công tắc hành trình Omron HL5100	Chứng loại: Đầu tu Tần số tác động: Cơ 120 lần/phút Mìn, Điện 30 lần/phút Mìn Tốc độ tác động: 5mm/s đến 0,5m/s Dòng tải cho phép 5A, tiếp điểm INO, INC Dòng tiếp điểm: 12, 24, 125, 250VDC; 125, 250 VAC; Kiểu tác động: Pittong; - Cấp bảo vệ: IP65; - Độ bền cơ: 10 triệu lần; - Tần số định mức: 50/60Hz; Chống va đập: + Độ bền: 1000m/s2 + Sự cố: 300m/s2; - Tiếp điểm SPDT: 5A/250VAC (tải trở); - Chiều dài phần thân: 60.6mm; - Loại: Sealed roller plunger;		Cái	16						
	Hệ thống làm mát gió máy phát										
	Vật tư chính:										
129	Đồng hồ đo áp lực 0-1Mpa 160mm	loại: đồng hồ cơ Dải đo: 0-1Mpa ren: M20x1.5 mặt: 160mm		cái	4						
130	Cảm biến nhiệt độ 250mm	- Kiểu đầu dò RTD: Loại ống cứng, dạng vít lỏng - Nhiệt độ hoạt động ở °C: -50 đến		cái	8						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Bvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
		+260°C; - Cảm biến: 1 x Pt100, 3 dây. - Dung sai: Class B; - Chiều dài đầu cảm biến: ~250mm; - Đường kính cảm biến: Ø12mm - Kiểu kết nối: G1/2" - Đầu cuối cáp kết nối: theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất; - Chiều dài cáp kết nối: 8m; - Vật liệu bảo vệ cáp: PTFE - Có dây chống nhiễu, Bảo vệ cáp bằng ống inox, chiều dài bảo vệ (1-1,5)m tính từ đầu ren RTD									
131	Cảm biến nhiệt độ 50mm	- Kiểu đầu dò RTD: Loại ống cứng, dạng vít cố định - Nhiệt độ hoạt động ở °C: -50 đến +260°C; - Cảm biến: 1 x Pt100, 3 dây. - Dung sai: Class B; - Chiều dài đầu cảm biến: ~50mm; - Đường kính cảm biến: Ø12mm - Kiểu kết nối: G1/2" - Đầu cuối cáp kết nối: theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất; - Chiều dài cáp kết nối: 8m; - Vật liệu bảo vệ cáp: PTFE - Có dây chống nhiễu, Bảo vệ cáp bằng ống inox, chiều dài bảo vệ (1-1,5)m tính từ đầu ren RTD		cái	4						
132	Khớp nối D80 - L 140mm	D80 - L 140mm		cái	16						
	Vật tư phụ:										
133	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		Kg	10,00						
134	Cao su non	Chất liệu: PTFE. Kích thước: 0.075x12mm Dài 10m		cuộn	4,00						
135	Chai xịt RP7	Loại: RP7 KL: 300g		chai	3,00						
136	Cọ lăn sơn 23cm	Loại: 23cm, cán nhựa		cái	3,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Dvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
137	Chổi quét sơn 2,5"	Loại: 2,5", cán nhựa		cái	10,00						
138	Sơn A Đông 7032	Epoxy 2 thành phần màu xám (mã màu để tham khảo 7032)		kg	15,00						
139	Chổi đuôi chồn D10	D10		cái	5,00						
140	Bulong M16x80mm	M16x80mm		bộ	60,00						
141	Bulong M10x60mm kèm long đen vênh	M10x60mm kèm long đen vênh		Bộ	20,00						
142	Đai ốc M10x60mm kèm long đen vênh	M10x60mm kèm long đen vênh		Bộ	20,00						
143	Kéo dán 650 độ F 85gram	Loctite 650 độ F, 85Gr		chai	2,00						
144	Tấm cao su dày 4mm	Khổ gioăng rộng: 1m; Chiều dày: 4mm; Loại: chịu dầu, chịu nhiệt; Đáp ứng tiêu chuẩn: ANSI, JIS, DIN, BS...		m	8,00						
	Ô đỡ và ổ hướng dưới										
	Vật tư chính:										
145	Loctite 406	Dung tích: 20ml		chai	2						
146	Gioăng cao su tròn Ø8mm	Vật liệu NBR; Áp lực (max): 70-140bar; Nhiệt độ: -30 đến 110 oC; Đường kính: Ø8mm, Chịu dầu chịu nhiệt, tiêu chuẩn ISO9001		m	24,00						
147	Gioăng cao su tròn Ø9mm	Vật liệu NBR; Áp lực (max): 70-140bar; Nhiệt độ: -30 đến 110 oC; Đường kính: Ø9mm, Chịu dầu chịu nhiệt, tiêu chuẩn ISO9001		m	5,00						
148	Gioăng cao su tròn Ø6mm	Vật liệu NBR; Áp lực (max): 70-140bar; Nhiệt độ: -30 đến 110 oC; Đường kính: Ø6mm, Chịu dầu chịu nhiệt, tiêu chuẩn ISO9001		m	20,00						
149	Tấm cao su dày 4mm	Khổ gioăng rộng: 1m; Chiều dày: 4mm;		m2	5,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Bvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
150	Cảm biến nhiệt độ 200mm	Loại: chịu dầu, chịu nhiệt; Đáp ứng tiêu chuẩn: ANSI, JIS, DIN, BS... - Kiểu đầu dò RTD: Loại ống cứng, dạng vít lồng - Nhiệt độ hoạt động ở °C: -50 đến +260°C; - Cảm biến: 1 x Pt100, 3 dây. - Dung sai: Class B; - Chiều dài đầu cảm biến: ~200mm; - Đường kính cảm biến: Ø12mm - Kiểu kết nối: G1/2". - Đầu cuối cáp kết nối: theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất; - Chiều dài cáp kết nối: 8m; - Vật liệu bảo vệ cáp: PTFE - Có dây chống nhiễu, Bảo vệ cáp bằng ống inox, chiều dài bảo vệ (1-1,5)m tính từ đầu ren RTD		cái	8,00						
151	Cảm biến nhiệt độ 120mm	- Kiểu đầu dò RTD: Loại ống cứng, dạng vít lồng - Nhiệt độ hoạt động ở °C: -50 đến +260°C; - Cảm biến: 1 x Pt100, 3 dây. - Dung sai: Class B; - Chiều dài đầu cảm biến: ~120mm; - Đường kính cảm biến: Ø12mm - Kiểu kết nối: G1/2". - Đầu cuối cáp kết nối: theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất; - Chiều dài cáp kết nối: 8m; - Vật liệu bảo vệ cáp: PTFE - Có dây chống nhiễu, Bảo vệ cáp bằng ống inox, chiều dài bảo vệ (1-1,5)m tính từ đầu ren RTD		cái	8,00						
152	Cảm biến nhiệt độ 50mm	- Kiểu đầu dò RTD: Loại ống cứng, dạng vít cố định - Nhiệt độ hoạt động ở °C: -50 đến		cái	2,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
		+260°C; - Cắm bién: 1 x Pt100, 3 dây. - Dung sai: Class B; - Chiều dài đầu cảm bién: ~50mm; - Đường kính cảm bién: Ø12mm - Kiểu kết nối: G1/2"; - Đầu cuối cáp kết nối: theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất; - Chiều dài cáp kết nối: 8m; - Vật liệu bảo vệ cáp: PTFE - Có dây chống nhiễu, Bảo vệ cáp bằng ống inox, chiều dài bảo vệ (1-1,5)m tính từ đầu ren RTD									
153	Dầu Tuabin Total VG46	ISO VG46		lít	820						
	Vật tư phụ:										
154	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	20,00						
155	Vải phin trắng	Rộng 0,85m		m	10,00						
156	Loctite 243	Dung tích: 50ml		tuýp	1,00						
157	Loctite 565	Dung tích: 50ml		chai	4,00						
158	Loctite 5699TM Grey	Dung tích: 70ml		chai	6,00						
159	Dây rút nhựa 10x500mm	10x500mm		cái	200,00						
160	Dây rút nhựa 8x400mm	8x400mm		cái	200,00						
161	Dây rút nhựa 5x300mm	5x300mm		cái	400,00						
162	Dây rút nhựa 4x200mm	4x200mm		cái	400,00						
163	Giấy nhám P120	Loại: P120 KT: 230x280mm		tờ	20,00						
164	Giấy nhám P600	Loại: P600 KT: 230x280mm		tờ	30,00						
165	Đá cắt Ø125mm	Ø125mm		viên	5,00						
166	Đá cắt Ø355mm	Ø355mm		viên	2,00						
167	Đá cắt Ø100mm	Ø100mm		viên	10,00						
168	Bột mì			kg	16,00						
169	Băng keo điện	Loại: 20Y		cuộn	1,00						
170	Ni lông trắng khổ 2m	khổ 2m		m	10,00						
171	Axeton			lít	2,00						
	Ồ hưởng trên										
	Vật tư chính:										

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
172	Gioăng tròn Ø8mm	Vật liệu NBR; Áp lực (max): 70-140bar; Nhiệt độ: -30 đến 110 oC; Đường kính: Ø8mm, Chịu dầu chịu nhiệt, tiêu chuẩn ISO9001		m	8,00						
173	Gioăng tròn Ø9mm	Vật liệu NBR; Áp lực (max): 70-140bar; Nhiệt độ: -30 đến 110 oC; Đường kính: Ø9mm, Chịu dầu chịu nhiệt, tiêu chuẩn ISO9001		m	8,00						
174	Cảm biến nhiệt độ 150mm	- Kiểu đầu dò RTD: Loại ống cứng, dạng vít lỏng - Nhiệt độ hoạt động ở ° C: -50 đến +260°C; - Cảm biến: 1 x Pt100, 3 dây. - Dung sai: Class B; - Chiều dài đầu cảm biến: ~150mm; - Đường kính cảm biến: Ø12mm - Kiểu kết nối: G1/2"; - Đầu cuối cáp kết nối: theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất; - Chiều dài cáp kết nối: 8m; - Vật liệu bảo vệ cáp: PTFE - Có dây chống nhiễu, Bảo vệ cáp bằng ống inox, chiều dài bảo vệ (1-1,5)m tính từ đầu ren RTD		cái	8,00						
175	Cảm biến nhiệt độ 50mm	- Kiểu đầu dò RTD: Loại ống cứng, dạng vít cố định - Nhiệt độ hoạt động ở ° C: -50 đến +260°C; - Cảm biến: 1 x Pt100, 3 dây. - Dung sai: Class B; - Chiều dài đầu cảm biến: ~50mm; - Đường kính cảm biến: Ø12mm - Kiểu kết nối: G1/2"; - Đầu cuối cáp kết nối: theo tiêu		cái	2,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Bvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
		chuẩn của Nhà sản xuất; - Chiều dài cáp kết nối: 8m; - Vật liệu bảo vệ cáp: PTFE - Có dây chống nhiễu, Bảo vệ cáp bằng ống inox, chiều dài bảo vệ (1-1,5)m tính từ đầu ren RTD									
176	Vải phin trắng	Rộng 0,85m		m	8,00						
177	Gioăng cao su tròn Ø6mm	Vật liệu NBR; Áp lực (max): 70-140bar; Nhiệt độ: -30 đến 110 oC; Đường kính: Ø6mm, Chịu dầu chịu nhiệt, tiêu chuẩn ISO9001		m	10,00						
178	Dầu Tuabin Total VG46	ISO VG46		lít	450						
	Vật tư phụ:										
179	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	10,00						
180	Loctite 406	Dung tích: 50ml		chai	2,00						
181	Bột mì			kg	4,00						
	Hệ thống dầu kích nâng										
	Vật tư phụ:										
182	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		Kg	4						
183	Tấm Cao su dày 4mm	Khô gioăng rộng: 1m; Chiều dày: 4mm; Loại: chịu dầu, chịu nhiệt; Đáp ứng tiêu chuẩn: ANSI, JIS, DIN, BS...		m	4						
	Tủ và thiết bị điện máy phát										
	Vật tư chính:										
184	Cầu chì sứ 5x25mm, 10A	Loại: gG Kích thước: 5x25mm Dòng điện: 10A		cái	5,00						
185	Đèn báo xanh 24VDC	Loại: Màu xanh lá Điện áp: 24VDC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	2,00						
186	Đèn báo đỏ 24VDC	Loại: Màu đỏ Điện áp: 24VDC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	2,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
187	Đèn báo vàng 24VDC	Loại: Màu vàng Điện áp: 24VDC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	2,00						
188	Đèn báo xanh 220VDC	Loại: Màu xanh lá Điện áp: 220VDC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
189	Đèn báo xanh 220VAC	Loại: Màu xanh lá Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
190	Cầu chì sứ 10x38mm 6A	Loại: gG Kích thước: 10x38mm Dòng điện: 6A		Cái	1,00						
191	Rơ le trung gian 14 chân dẹp 230VAC 10A có diode + để	RELECO MR-C C4-A 40 FX		Cái	4,00						
192	Rơ le trung gian 11 chân tròn 24VDC	Weidmuller DRR370024L + để		Cái	6,00						
	Vật tư phụ:										
193	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		Kg	12,00						
194	Băng keo điện	Loại: 20Y		Cuộn	8,00						
195	Dây rút nhựa 4x200mm	4x200mm		Cái	200,00						
196	Dây rút nhựa 10x500mm	10x500mm		cái	100,00						
197	Dây rút nhựa 5x300mm	5x300mm		cái	100						
198	Cao su non	Băng tan, 10m		cuộn	2						
199	Chổi lông gà 200mm	200mm		cái	6						
200	Còn công nghiệp	70 độ		Lít	5						
201	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	1						
202	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	6,00						
203	Bóng đèn led 18W E27	Dui đèn: E27 Ánh sáng trắng Hình dáng: 3U Điện áp: 220-240 V Công suất: 18 W		cái	2,00						
204	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	7						
205	Còn công nghiệp	70 độ		Lít	10						
206	Giấy nhám P400	P400 230x280mm		tờ	20						
207	Dây thít inox 304	4,6x250mm		cái	20						
208	Dây rút nhựa 5x300mm	5x300mm		cái	100						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
	HỆ THỐNG KÍCH TỬ										
	Vật tư phụ:										
209	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	20						
210	Dây rút nhựa 5x300mm	5x300mm		cái	200						
	Vật tư chính:										
211	Vòng bi (600LZ)	6001Z		cái	12						
212	Contactơ 100A	Số cực: 3P Dòng định mức: 100A Cuộn hút: 220VDC Kích thước: 94x140x137mm Điện áp hoạt động: 690VAC Tiêu chuẩn: IEC 60947 Trương thích rơ le nhiệt: MT-95 Tiếp điểm phụ: 2NO 2NC		cái	2,00						
213	Rơle trung gian 8 chân dẹt 220VDC	Loại: 8 chân dẹt, có đèn Điện áp cuộn dây: 220VDC Tiếp điểm: 2C/O; Tiếp điểm 10A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN + có diode		cái	2,00						
214	Rơle trung gian 8 chân tròn 24VDC	Loại: 8 chân tròn, có đèn Điện áp cuộn dây: 24VDC Tiếp điểm: 2C/O; Tiếp điểm 10A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Có DIOT bảo vệ Kèm đế gắn ray DIN có diode đính kèm		cái	2,00						
215	Bộ chuyển đổi tín hiệu điện áp RPD-1	Loại: RPD-1, Đầu vào 0-350VDC, Đầu ra 4-20mA Nguồn điện: 220VAC		cái	1,00						
216	Bộ chuyển đổi tín hiệu dòng điện RPD-1	Loại: RPD-1 Đầu vào 0-75mVDC Đầu ra 4-20mA Nguồn điện: 220VAC		cái	1,00						
	Vật tư phụ:										
217	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		Kg	4						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Bvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
218	Silicon A300	A300		chai	3						
219	băng keo điện	Loại: 20Y		cuộn	2,00						
220	Cầu chì Ferraz Shawmut CMS 221M (22x58) 690V/63A	22x58, 690V/63A		cái	2						
	MÁY BIẾN ÁP LỰC										
	Máy biến áp chính T1, T2										
	Vật tư phụ:										
221	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	32						
222	Cồn công nghiệp 70 độ	70 độ		lít	6						
223	Vải phin trắng	0,85m		m	8						
224	Chai xịt RP7 300g Việt Nam	RP7		chai	2						
	Vật tư chính:										
225	Vòng bi SKF 6250SR	6250SR		cái	12						
226	Đồng hồ hiện thị dòng quạt làm mát ACX41-DK1	ACX41-DK1		cái	6						
227	Khởi động từ (contactor) Siemens 3TF40 31 - 1X, coil: 220VDC, 3NO, 2 NC (doi qua hangSchneider)	Dòng điện (Ie):9A Số cực: 3P Tiếp điểm chính: 3NO Cuộn dây: 220VDC Tiếp điểm phụ: 3NO+1NC Loại : Tiêu chuẩn Kích thước: Size 0 Công suất động cơ: 4kW at 400VAC Gắn thanh ray DIN		cái	6						
228	Đồng hồ đo dòng điện	Loại: Analog Điện áp: AC/DC80-270V Dòng điện: 5A Cấp chính xác: 0,5s Kích thước: 48x48mm		cái	6						
229	Role bảo vệ giám sát pha K8AK-PM2	Loại: 3 pha, 3 cuộn dây Điện áp: 380VAC Giá trị cài đặt: -30 đến 25% Uđm Dài cài đặt thời gian cao/thấp áp: 0,1-30s Dài cài đặt thời gian mất/khỏi phục pha: 0,1s Khóa thời gian khởi động: 1s hoặc 5s Đèn báo: nguồn (xanh), dầu ra relay		cái	2						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Dvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
		(vàng); quá/thấp áp (đỏ) Đầu ra relay: 2 SPDT Relay (NC) Kích thước: 22,5x90x100mm (WxHxD)									
230	Áp tô mát 3P 32A	3 pha, 32A		cái	1						
231	Hạt silicagen màu xanh	hút ẩm màu xanh		kg	30						
	Máy biến áp ST3 (22/0.4KV)										
	Vật tư phụ:										
232	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	2						
	Máy biến áp tự dòng ST1, ST2										
	Vật tư phụ:										
233	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	20						
	HỆ THỐNG TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN										
234	Dây rút nhựa 5x300mm	5x300mm		cái	50						
235	Silicon A300	300g		chai	15						
236	Dây rút nhựa 4x200mm	4x200mm		cái	130						
237	Áp tô mát 2P 10A	Loại: MCB Số cực: 2 pha Dòng định mức: 10A Kiểu gắn ray DIN		cái	1						
	RO LE BẢO VỆ TÔ MÁY										
	Vật tư phụ:										
238	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	3						
	CÔNG TƠ ĐO ĐỀM ĐIỆN NẮNG										
	Vật tư phụ:										
239	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	2						
	HỘP BỘ MÁY CẮT ĐẦU CỰC MÁY PHÁT 13,8KV										
	Vật tư phụ:										
240	Role bảo vệ giám sát pha K8AK-PM2	Loại: 3 pha, 3 cuộn dây Điện áp: 380VAC Giá trị cài đặt: -30 đến 25% Udm Dải cài đặt thời gian cao/thấp áp: 0,1-30s Dải cài đặt thời gian mát/khởi phục pha: 0,1s		Cái	2						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
	Vật tư chính:										
262	Đồng hồ đo điện áp 450VAC 72*72mm	loại kim chỉ thị Dải đo: 0-450VAC Kích thước mặt: 72*72mm		cái	1,00						
263	Đồng hồ đo điện áp 300VDC 72*72mm	loại kim chỉ thị Dải đo: 0-300VDC Kích thước mặt: 72*72mm		cái	1,00						
264	Đồng hồ đo dòng điện 75A 72*72mm	loại kim chỉ thị Dải đo: 0-75A, 75/5A, Kích thước mặt: 72*72mm		Cái	1,00						
265	CB 2pha 10A	MCB Schneider EZ9F34210 10A 4.5kA 2P		cái	2,00						
	Vật tư phụ:										
266	Chổi lông gà 200mm	200mm		Cái	1,00						
267	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	4,00						
	HỆ THỐNG ĐIỆN MỘT CHIỀU (DC)										
	Vật tư chính:										
268	Nước cất			lít	200						
269	Áp tô mát 2P 63A DC	Loại: MCB DC Số cực: 2 pha Dòng định mức: 63A Kiểu gắn ray DIN		cái	1						
270	Áp tô mát 2P 32A DC	Loại: MCB DC Số cực: 2 pha Dòng định mức: 32A Kiểu gắn ray DIN		cái	1						
271	Áp tô mát 2P 10A DC	Loại: MCB DC Số cực: 2 pha Dòng định mức: 10A Kiểu gắn ray DIN		cái	1						
272	Áp tô mát 2P 25A DC	Loại: MCB DC Số cực: 2 pha Dòng định mức: 25A Kiểu gắn ray DIN		cái	1						
273	Module giám sát dòng DC FUO2-220V	FUO2-220V		Cái	1						
274	Module giám sát áp	ZHIM02 D81304106031		cái	1						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
275	ZHIM02 D81304106031										
275	Module giám sát điện áp Zhonhen, BVSB05	Zhonhen, BVSB05		cái	6						
276	Quạt tản nhiệt 24VDC (Kích thước 120*120mm)	24VDC (Kích thước 120*120mm)		cái	2						
	Vật tư phụ:										
277	băng keo điện	Loại: 20Y		cuộn	3,00						
278	Silicon A300	300g		chai	5,00						
279	Dây rút nhựa 5x300mm	5x300mm		cái	200,00						
280	Dây rút nhựa 8x400mm	8x400mm		cái	100,00						
281	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	11,00						
282	Dây rút nhựa 4x200mm	4x200mm		cái	30,00						
	MÁY PHÁT DIESEL										
	MÁY PHÁT DIESEL 450KVA										
	Vật tư chính:										
283	Bộ lọc dầu Fleetguard - FF5052 - 3931063	Mã phụ tùng: FF5052 - 3931063		Bộ	1,00						
284	Bộ lọc gió Air Cleaner - 4095069 - AF872	Mã phụ tùng: FF5052 - 3931063		Bộ	1,00						
285	Bộ lọc dầu Cummins :3889311 - LF777x	Mã phụ tùng :3889311 - LF777x		Bộ	1,00						
286	Bộ lọc dầu Cummins: 3401544-LF9009	Mã phụ tùng: 3401544-LF9009		Bộ	1,00						
287	Bộ lọc dầu Cummins 3315847-FF105D	Mã phụ tùng: 3315847-FF105D		Bộ	1,00						
288	Bộ nạp bình Acqum tự động	Điện áp vào: 220VAC Điện áp ra: 24VDC Dòng điện nạp: 20A Loại: Nạp/ngắt tự động		Bộ	1,00						
289	Áp tô mát IP 10A	Loại: CB Số cực: 1 pha Dòng định mức: 10A Kiểu gắn ray DIN		Bộ	1,00						
290	Nước làm mát động cơ DCA 65 (đã pha sẵn nước cất)			Lít	100						
291	Bình ắc quy 12VDC - 100AH	12VDC - 100AH		bộ	2,00						
292	Dầu bôi trơn Total rubia từ 7400	7400		Lít	70						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
	Vật tư phụ			0							
293	Sơn expo 999	Epoxy 2 thành phần màu đen		kg	3						
294	Chổi quét sơn 2,5" cán nhựa	2,5" cán nhựa		cái	3						
295	Thinner 066 EP			lít	1,5						
296	Giấy nhám P600	P600 230x280mm		tờ	5						
297	Giấy nhám P800	P800 230x280mm		tờ	7						
298	Bát đánh ri Ø100mm	Ø100mm		cái	4						
299	Đá mài nhám Ø100mm	Ø100mm		viên	2						
	MÁY PHÁT DIESEL 175KVA										
	Vật tư chính:										
301	Bình ắc quy 12VDC - 100AH	12VDC- 100AH		bộ	2						
302	300 Bộ nạp bình Acquy tự động	Điện áp vào: 220VAC Điện áp ra: 24VDC Dòng điện nạp: 20A Loại: Nạp/ngắt tự động		Bộ	1,00						
303	Bộ lọc nhớt Cummins: 3889310 - LF670	Mã phụ tùng: 3889310 - LF670		Bộ	1,00						
304	Bộ lọc dầu Cummins: 4058965-WF2076	Mã phụ tùng: 4058965- WF2076		Bộ	1,00						
305	Bộ lọc nhiên liệu Fleetguard - LF777-3889311	Mã phụ tùng: LF777-3889311		Bộ	1,00						
306	Bộ lọc dầu : 3315847- FF105D	Mã phụ tùng: 3315847- FF105D		Bộ	1,00						
307	Bộ lọc gió AF1811	AF1811		cái	1,00						
308	Dầu bôi trơn Total rubia tir 7400	rubia tir 7400		Lít	30						
	Vật tư phụ:			0							
310	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	10						
311	Bát đánh ri Ø100mm	Ø100mm		cái	4						
312	Chổi quét sơn 2" cán nhựa	2" cán nhựa		cái	3						
313	Dây rút nhựa 4x300mm	4x300mm		cái	50						
	PHẦN ĐIỀU KHIỂN										
	HỆ THỐNG DCS										
314	Màn hình hiển thị 23,8 inch full HD 16:9	Kiểu dáng màn hình: Phẳng Tỉ lệ khung hình: 16:9 Kích thước mặc định: 23.8 inch Công nghệ tấm nền: VA Phân giải điểm ảnh: FHD - 1920 x 1080		cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Dvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
		Độ sáng hiển thị: 250 Nits cd/m ² Tần số quét màn: 75Hz (Hertz) Thời gian đáp ứng: 5 ms (gray-to-gray extreme) Chỉ số màu sắc: 16.7 triệu màu - 72% NTSC1953 - 8 bits Hỗ trợ tiêu chuẩn: VESA (100 mm x 100 mm), AMD FreeSync Cổng cắm kết nối: 1xHDMI 1.4, 1xVGA Phụ kiện trong hộp: Dây nguồn, Dây HDMI									
315	Chuột máy vi tính	Độ phân giải: 200 - 8000 DPI Nút nhấn: 6 nút có thể lập trình Kết nối: Dây USB Đèn LED: RGB LIGHTSYNC Độ dài dây 2.1m		con	1,00						
316	Bàn phím máy vi tính	Kết nối: 3 chế độ: . Lightspeed Wireless . Lightspeed Bluetooth . Có dây Đèn LED: RGB LIGHTSYNC Dây cáp có thể tháo rời 6 ft Tốc độ báo cáo 1 ms		cái	1,00						
317	Module quang IC086SLN042-A Model: SLN042 Input: Dual input P1/P2, 12-48V DC	IC086SLN042-A Model: SLN042 Input: Dual input P1/P2, 12-48V DC		cái	1,00						
318	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		Kg	6,00						
319	Chai xịt RP7	Loại: RP7 KL: 300g		chai	5,00						
320	Dây rút nhựa 10x500mm	10x500mm		cái	100,00						
321	Dây rút nhựa 5x300mm	5x300mm		cái	100,00						
322	Băng keo điện	Loại: 20Y		cuộn	2,00						
323	Dây rút nhựa 8x400mm	8x400mm		cái	100,00						
324	HỆ THỐNG PLC Pin GE FANUC IC695ACCC302 3VDC, 15AH	IC695ACCC302 3VDC, 15AH		Cái	6						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
325	Bộ nguồn tổ ong đầu vào 220VAC và 220VDC, đầu ra 24VDC/10A	Điện áp nguồn: 220VAC và 220VDC Điện áp ra: 24VDC/10A Công suất định mức: 240W Kích thước L*W*H: 140x95x40mm		Cái	1						
326	Bộ nguồn tổ ong đầu vào 220VAC và 220VDC, đầu ra 24VDC/5A	Điện áp nguồn: 220VAC và 220VDC Điện áp ra: 24VDC/5A Công suất định mức: 120W Kích thước L*W*H: 160x97x40mm		Cái	1						
327	Bộ chuyển đổi công suất P, Q	Chức năng: đo Điện áp, dòng điện, công suất hoạt động, công suất phản kháng, hệ số công suất Kiểu đầu ra: mA or V Dải đầu ra: ± 20 mA, 4-20 mA, 0-20 mA, ± 10 mA, ± 5 mA*, ± 2 mA**, ± 5 V, ± 10 V Số đầu ra: 2 hoặc 4 Cấp chính xác: 0.2, 0.5, 1.0 (độ chính xác hệ số công suất ± 0.2 độ) Điện áp đầu vào: 3 x 100 to 415 V L-L hoặc 3 x 57.5 to 240V L-N Dải đo: 0 to 130% U (500 V max.)		Cái	1						
328	Role trung gian 8 chân đẹp, có đèn 220VDC	Loại: 8 chân đẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 220VDC Tiếp điểm: 2C/O; Tiếp điểm 5A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN		Cái	2						
329	Role trung gian 8 chân đẹp, có đèn 24VDC/5A	Loại: 8 chân đẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 24VDC Tiếp điểm: 2C/O; Tiếp điểm 5A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN		Cái	16						
330	Role trung gian 8 chân đẹp, có đèn 220VAC/5A	Loại: 8 chân đẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 220VAC Tiếp điểm: 2C/O; Tiếp điểm 5A/250V;		Cái	2						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Bvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
331	Áp tô mát 1P 6A DC	Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN Loại: MCB DC Số cực: 2 pha Dòng định mức: 32A Kiểu gắn ray DIN Kèm tiếp điểm phụ định kèm		Cái	2						
332	Áp tô mát 2P 6A DC	Loại: MCB DC Số cực: 2 pha Dòng định mức: 32A Kiểu gắn ray DIN		Cái	2						
333	Áp tô mát 2P 10A DC	2P 10A DC		Cái	2						
334	Áp tô mát 2P 16A DC	2P 16A DC		Cái	2,00						
335	Chổi lông gà 200mm	200mm		Cái	2,00						
336	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		Kg	4,00						
	HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN ĐẬP TRÀN										
	Vật tư chính:										
337	Ác qui 12VDC- 100AH	12VDC- 100AH		binh	1						
	Vật tư phụ:										
338	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	3						
	HỆ THỐNG TỰ ĐIỀU KHIỂN CỬA VAN, MÁY PHÁT DIEZEL, CẦU TRỤC CHÂN ĐÈ										
339	Hạt hút ẩm Silicagel	Màu xanh		kg	3						
340	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	1						
	HỆ THỐNG ĐO LƯỜNG GIÁM SÁT TỎ MÁY										
	Vật tư chính:										
341	Đồng hồ giám sát nhiệt độ: SAILSORS INSTRUMENTS INC Loại: SAIL/C-H-R-13-A1-DC24V-IH: 4-20mm	- Đầu ra: 4-20mA; - Nguồn cung cấp: 24VDC; - Đầu vào: Pt100; - Đầu ra: Alarm 1; Alarm 2; Alarm 3. - Cấp chính xác 0,2% F.S - Kích thước: 96x48mm;		cái	4						
342	Đồng hồ giám sát lưu lượng: SAILSORS INSTRUMENTS INC Loại: SAIL-F8-2-0-2-12-N-W	Dải đo: 0-99999m3/h Cấp chính xác: 0,1%FS+1rd Độ phân giải: 0,01rd		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
		Phương pháp bảo động: AL1, AL2 Giao tiếp: RS485 Chuyển đổi ra: 4-20mA Tín hiệu vào: 4-20mA (áp suất) Nguồn cấp: DC24V/6A Kích thước: 160x80x110mm									
343	Đồng hồ giám sát cột nước: SAILSORS INSTRUMENTS INC Loại: SAIL-DE-821-2-0-1-A-DC24V	- Nguồn nuôi: 24 VDC Dải đo: 4~20mA, Tín hiệu ra: 4~20mA Cảnh báo: 02 C/O (DPDT) CCX: 0.2% F.S Kích thước (DxRx): 160x80x110mm		Cái	1,00						
344	Thiết bị đo độ mở cánh hướng: SAILSORS INSTRUMENTS INC Loại: SAIL-JLK-5-80-4-20mA-1-0-1-2-0-0	Điện áp nguồn: 24VDC Dải đo: 4~20mA, Tín hiệu ra: 4~20mA Phạm vi đo: -1999 ~ 9999 Độ chính xác: $\pm 0,2\%$ FS Cảnh báo: cảnh báo giới hạn trên và cảnh báo giới hạn dưới, với tối đa 6 đầu ra (4NO+2C/O DPDT) Kết nối đầu ra: RS-485/RS-232/RS-422, MODBUS protocol Kích thước (DxRx): 160x80x110mm		Cái	1,00						
	Vật tư phụ:										
345	Giẻ lau			kg	10						
346	Dây rút nhựa 5x300mm	5x300mm		cái	300						
347	Dây rút nhựa 8x400mm	8x400mm		cái	100						
348	Silicon A300	A300 300g		chai	1						
349	băng keo điện	Loại: 20Y		cuộn	1,00						
	MÁY NÉN KHÍ (6 máy cao áp và 2 máy hạ áp)										
	Vật tư chính:										
350	Bộ lọc nhớt (22388045)	Mã phụ tùng: 22388045		bộ	2						
351	Bộ lọc nhớt (39329602)	Mã phụ tùng: 39329602		bộ	2						
352	Tấm lọc gió (99331811)	Mã phụ tùng: 99331811		tấm	2,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Dvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
353	Bia Amiang chịu dầu 1270x1300x1mm	1270x1300x1mm		cái	1						
354	Dầu bôi trơn Ultra coolant cao áp	Ultra coolant		lít	144						
355	Dầu bôi trơn 740 hạ áp	XL 740HT		lít	40						
356	Vật tư phụ:										
356	Giẻ lau										
357	Vòng bi 6410 C3-NSK	6410		kg	7						
358	Đá mài nhám Ø100	Ø100mm		cái	1						
359	Băng keo điện	Loại: 20Y		viên	2						
	HỆ THỐNG NƯỚC KỸ THUẬT			Cuộn	2						
	Vật tư chính:										
360	Áp tô mát 3P CHINT-DZ108-20A bao gồm tiếp điểm phụ	Loại: 3P, có tiếp điểm phụ Dài dòng bảo vệ: 0,16~20A Điện áp: 440/415 VAC Chỉ thị trạng thái ON - OFF Sân xuất đạt tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-2, GB14048.2 Tích hợp relay nhiệt bảo vệ quá tải và bảo vệ mất pha Độ bền cơ khí và độ bền điện cao lên đến 2000 triệu lần đóng cắt nhiệt độ làm việc: -5°C ~ 40°C kèm tiếp điểm phụ		cái	1,00						
361	Contactor 3P LC1 E06.10, AC220V/20A	Loại: 3P Dòng điện: 6A Tiếp điểm phụ: INO, INC Điện áp điều khiển: 220VAC/20A Điện áp làm việc định mức u: 690V Điện áp cách điện định mức u: 690V Điện áp chịu xung định mức uimp: 6kV Kích thước: 74x45x80mm		cái	1,00						
362	Rơ le trung gian 8 chân dẹp 220VAC + để	Loại: 8 chân dẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 220VAC Tiếp điểm: 2C/O; Tiếp điểm 5A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
363	Vòng bi bộ lọc thô loại côn HRB 32313	32313		cái	2						
364	Đồng hồ áp lực 0-1mpa ren M20x1.5 mặt Ø160mm	Loại đồng hồ cơ Dải đo: 0-1mpa ren M20x1.5 mặt Ø160mm - Nguồn cung cấp: 24VDC - Kết nối: bước ren M20x1.5 - Chiều dài cáp: 2m - Led xanh, đỏ, vàng báo hiệu trạng thái - Đầu ra tiếp điểm (NO/NC) - Dòng điện 4A 250VAC/60VDC - Cấp bảo vệ: IP68		cái	2,00						
365	Cảm biến lưu lượng TURCK: FCT-G1/2A4P-VRX/24VDC			cái	4						
366	Công tắc áp lực P/N: H100-186	Chất liệu: thép không gỉ 316 Kiểu kết nối: ren M20x1.5 Áp lực đo: 8-200PSI (0,6-13,8bar) Dải chết: 1-11PSI (dưới 75%) (0,1-0,8 bar trên 25%) Dải đo quá áp suất: 500PSI (34,5bar) Áp suất thử nghiệm: 1000PSI (68,9bar) Kiểu tiếp điểm: SPDT Loại điều chỉnh: điều chỉnh trong thang đo tham chiếu		cái	2						
367	Công tắc xoay 3 vị trí Ø22 ZB2-BE101C 2NO	Loại: xoay 3 vị trí Kiểu: có duy trì Đường kính lỗ: Ø22mm Tiếp điểm: 2NO		cái	2,00						
368	Đồng hồ đo nhiệt độ BLC, 0-50 độ, ren M1.5, Ø160mm	Dải đo: 0-50°C Ren nối M20x1.5 Mặt 160mm		cái	1						
369	Đèn báo đỏ 220VAC	Loại: Màu xanh lá Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	1,00						
370	Đèn báo vàng 220VAC	Loại: Màu vàng Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	1,00						

[illegible]

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
387	Vật tư chính: Thước đo mức dầu EFI116A1H4A5-0800G, 800MM, SUS304, kèm gioăng chỉ chịu áp 10MPA	Loại: EFI116A1H4A5-0800G (hoặc tương đương) - Vật liệu: SUS304; - Thang đo: 800mm; - Sai số: ± 10mm; - Nhiệt độ làm việc lớn nhất: 140oC; - Áp lực làm việc: 6.3MPa. Bao gồm bộ chuyển đổi: - Đầu ra: 4-20mA; - Nguồn cấp: 13-36VDC - sai số: ±2,5%FS kèm gioăng chỉ chịu áp 10MPA		cái	1,00						
388	Đèn báo màu xanh 24VDC Ø22	Loại: Màu xanh lá Điện áp: 24VDC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	6						
389	Nút nhấn màu xanh không duy trì có đèn 220AC Ø22 2NO	Màu xanh, 220VAC, Ø22mm, 2NO có đèn		cái	2						
390	Công tắc xoay 3 vị trí Ø22 4NO	3 vị trí, Ø22mm, 2NO		cái	4						
391	Đồng hồ đo áp lực 0-10MPa 160mm	Loại đồng hồ cơ Dải đo: 0-10mpa ren M20x1.5 mặt Ø160mm		cái	1						
392	Bộ khởi động mềm Siemens 3RW4046-1BB14, AC/DC 110 - 230V, 80A, 45KW, 200V ~ 480V	Điện áp ĐK: AC/DC 110 - 230V Dòng điện: 80A Công suất: 45kW (400V) Điện áp ra: 3P 220V, 3P 380V Kích thước: 88x183x220mm		cái	2						
393	Pin PLC CR2450WC 1SAP180300R001 1150 TA521	CR2450WC 1SAP180300R001 1150 TA521		Cái	4,00						
394	Van reset 4WE6Y62/EG24N9K4 MNR:R900561276 Rexroth	4WE6Y62/EG24N9K4 MNR:R900561276		Cái	1,00						
395	Van dừng khẩn cấp Emergency 4WE10D3X/OF CG220N9K4 MNR: R900589988 Rexroth	4WE10D3X/OF CG220N9K4 MNR: R900589988		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
396	Van chuyển chế độ tự động, bằng tay 4WE10J50/EG24N9K4/M (126325144) Rexroth	4WE10J50/EG24N9K4/M (126325144)		Cái	1,00						
397	Van tỉ lệ Rexroth 4WRBA6W30-20/G24N9Z4/M MNR: 0811404116 Rexroth	4WRBA6W30-20/G24N9Z4/M MNR: 0811404116		Cái	1,00						
398	Van 1 chiều Z2S6-B40 (0109299256) Rexroth	Z2S6-B40 (0109299256)		Cái	1,00						
399	Van 1 chiều Z1S6E1-30B (0108140365) Rexroth	Z1S6E1-30B (0108140365)		Cái	1,00						
400	Van dừng sự cố Accident (dừng 2 bước) 4WE6D61B/OFCG220N1Z25L (01181121943) Rexroth	4WE6D61B/OFCG220N1Z25L (01181121943)		Cái	1,00						
401	Van chốt lock secvor 4WE10D3X/OFCG220N9K4 MNR: R900589988 Rexroth	4WE10D3X/OFCG220N9K4 MNR: R900589988		Cái	1,00						
402	Cụm Van 1 chiều 4WH10E20B/10 (0122116278) Y 0109353135 Z2S6-40B Rexroth	4WH10E20B/10 (0122116278) Y 0109353135 Z2S6-40B		Cái	1,00						
403	Bộ nguồn Quint DIODE/12-24DC/2x20/1x40			Bộ	1,00						
404	Bộ nguồn Quint-PS-100-240VAC/24VDC in 100-240VAC out 24VDC 5A			Bộ	1,00						
405	Bộ nguồn SP-150-24 IN 220VAC out 24VDC 6,3A			Bộ	1,00						
406	Bộ nguồn D-120B in 220VAC 1.6A out +5V 6A, 24V 4A DC			Bộ	1,00						

[illegible]

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Dvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
	THIẾT BỊ ĐẬP TRÀN										
	Xi lanh thủy lực và trạm nguồn										
	Vật tư chính:										
427	Bu lông ốc M20x45	M20x45		bộ	100						
428	Bu lông ốc M20x90	M20x90		bộ	50						
429	Cầu chì sứ 5x25mm, 10A	Loại: gG Kích thước: 5x25mm Dòng điện: 10A		cái	2						
430	Áp tô mắt 2P 6A	2P 6A		cái	2,00						
431	Áp tô mắt 3P 10A	3P 10A		cái	1,00						
432	Đồng hồ đo dòng điện 100A 96x96mm	Loại: đồng hồ cơ Dải đo: 0-100A, 100/5A Kích thước mặt: 96x96mm		cái	1,00						
433	Áp tô mắt 2P 25A	2P 25A		cái	2,00						
434	Áp tô mắt 1P 10A	1P 10A		cái	2,00						
435	Sạc tự động 12,24V/20A	ATS 220 - 24V/20A		Bộ	2,00						
436	Công tắc giới hạn WLC A12	Loại: Cản dài có thể điều chỉnh Góc quay: 90o Tốc độ tác động: 1mm/s đến 1m/s Tần số tác động: 120 lần/phút; Điện: 30 lần/phút Tiếp điểm: SPDT NC/NO Dòng định mức: 10A (AC), 6A (DC) Điện áp định mức: 125 VAC Điện trở tiếp điểm: 25 MΩ Max Điện trở cách điện: 100 MΩ min. (ở 500 VDC). Nhiệt độ làm việc: -10oC đến 80oC		cái	2,00						
437	Cảm biến mức dầu + Nhiệt độ	(Switching power in DC 60W - Switching power in DC 60W: Max current 0,8A, Max voltage 300V, Temperature range -10°C đến + 80°C		cái	1,00						
438	Rơ le 3UG4616-1CR20	3UG4616-1CR20		cái	1,00						
439	Mỡ bôi trơn Multis EP3	Multis EP3		kg	2						
440	Vật tư phụ:										
	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	17,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
441	Giấy nhám P400	Loại: P400 KT: 230x280mm		tờ	1,00						
442	Chổi quét sơn 5"	Loại: 5", cán nhựa		cái	5,00						
443	Chai xịt RP7	Loại: RP7 KL: 300g		chai	1,00						
444	Cao su non	Chất liệu: PTFE. Kích thước: 0.075x12mm Dài 10m		cuộn	3,00						
445	Cồn công nghiệp	70 độ		lít	2,00						
	Van cung										
	Vật tư phụ:										
446	Mỡ bôi trơn Multis EP3	Multis EP3		kg	1						
447	Đá mài nhám Ø180mm	Ø180mm		viên	2						
448	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	20						
449	Que hàn điện 4mm	4mm		kg	10						
450	Bàn chải sắt cán gỗ 7x14mm	7x14mm cán gỗ		chiếc	10						
	Van sửa chữa										
	Vật tư phụ:										
451	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	10						
452	Đá mài nhám Ø180mm	Ø180mm		viên	6						
453	Mỡ bôi trơn Multis EP3	Mutis EP3		kg	1						
	Cầu trục chân dê đập trần										
	Vật tư chính:										
454	Áp tô mát 3P 30A	3P 30A		cái	2,00						
455	Áp tô mát 3P 10A	3P 10A		cái	2,00						
456	Áp tô mát 3P 200A	3P 200A		cái	2,00						
457	Áp tô mát 2P 10A	2P 10A		cái	1,00						
458	Đèn báo màu xanh 220VAC Ø22	Loại: Màu xanh lá Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	1,00						
459	Đèn báo màu xanh 24VDC, Ø22	Loại: Màu xanh lá Điện áp: 24VDC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
460	Đèn báo màu đỏ 220VAC, Ø22	Loại: Màu đỏ Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Dvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
461	Đèn báo màu đỏ 24VDC, Ø22	Loại: Màu đỏ Điện áp: 24VDC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
462	Đèn báo màu vàng 220VAC, Ø22	Loại: Màu vàng Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
463	Áp tô mát 2P 25A	2P 25A		cái	2						
464	Đồng hồ đo dòng điện 500A 96x96mm	Loại: kim chỉ thị Dải đo: 0-500A, 250/5A Kích thước mặt: 96x96mm		Cái	1,00						
465	Đồng hồ đo điện áp 450VAC 96x96mm	Loại: kim chỉ thị Dải đo: 0-500VAC Kích thước mặt: 96x96mm		Cái	1,00						
466	Rơ le bảo vệ điện áp Selec 600VPR	Nguồn cấp: 310-520VAC Chức năng bảo vệ: quá áp, thấp áp, ngược pha mất pha Có LED hiển thị nguồn và trạng thái ngõ ra Cài đặt thời gian tác động trễ: 0.2 ~ 10 giây Phân trăm bảo vệ thấp áp: -2.5% ~ -25% của 415V(230V) AC Phân trăm bảo vệ quá áp: +2.5% ~ +25% của 415V(230V) AC Tự động reset khi tình trạng lỗi đã hết Ngõ ra: 1 C/O SPDT (NO/5A, NC/3A @ 250V AC) Gắn ray DIN KT: 17.5x90x60mm (WxHxD) Điện áp : 220V - Kích thước : 120x120x38mm		Cái	1,00						
467	Quạt thông gió Sunon DP200A	Điện áp : 220V - Kích thước : 120x120x38mm		Cái	1,00						
468	Rơle trung gian 14 chân dẹp, 220VAC, có đèn	Loại: 14 chân dẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 220VAC Tiếp điểm: 4C/O; Tiếp điểm: 5A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
469	Công tắc hành trình WLCA12	Loại: Cản dài có thể điều chỉnh Góc quay: 90o Tốc độ tác động: 1mm/s đến 1m/s Tần số tác động: Cơ: 120 lần/phút; Điện: 30 lần/phút Tiếp điểm: SPDT NC/NO Dòng định mức: 10A (AC), 6A (DC) Điện áp định mức: 125 VAC Điện trở tiếp điểm: 25 MΩ Max Điện trở cách điện: 100 MΩ min. (ở 500 VDC). Nhiệt độ làm việc: -10oC đến 80oC		Cái	2,00						
470	Contacto HMC 9 Hyundai 9A INO+1NC coi 220/380VAC	Dòng định mức: 9A Tiếp điểm phụ: 1NO+1NC Điện áp cuộn dây: 220VAC Gắn ray DIN Kích thước (WxHxD): 44x83x86mm		Cái	1,00						
471	CB bảo vệ động cơ Schneider GV2ME07 (1.6-2.5A) 0.75kW	Số cực: 3P (khởi) Công suất: 0,75 kW ở 400/415 VAC 50/60 Hz 1,1 kW ở 500 V AC 50/60 Hz 1,5 kW ở 690 V AC 50/60 Hz Dòng điện định mức: 2,5A Điều chỉnh bảo vệ nhiệt: 1,6...2,5 A Dòng điện bảo vệ từ: 33,5A Điện áp hoạt động định mức: 690VAC Điện áp ngắn mạch: 6kV Kèm tiếp điểm phụ		Cái	1,00						
472	CB bảo vệ động cơ Schneider GV2ME14 (6-10A) 3kW	Số cực: 3P (khởi) Công suất: 4 kW ở 400/415 VAC 50/60 Hz Dòng điện định mức: 10A Phạm vi điều chỉnh bảo vệ nhiệt: 6-10A (3kW) Dòng điện bảo vệ từ: 138A Điện áp hoạt động định mức: 690VAC		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Dvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Chú
473	Áp tô mát MCCB 3P 160A	Điện áp ngắn mạch: 6kV Kèm tiếp điểm phụ MCCB 3P 160A		cái	1,00						
	Vật tư phụ:										
474	Băng keo điện	Loại: 20Y		cuộn	4						
475	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	6						
476	Silicon A300	A300 300g		chai	3						
477	Mỡ bôi trơn Multis EP3	EP3		kg	5						
478	Đá cắt Ø100mm	Ø100mm		viên	5						
479	Dây rút nhựa 8x400mm	8x400mm		cái	100						
480	Dây rút nhựa 5x300mm	5x300mm		cái	100						
481	RP7 300g	300g		chai	3						
482	Dây xoắn ruột gà bằng nhựa phi 12	bằng nhựa phi 12. (10m/bịch)		Bịch	2						
	Tủ điện cửa van cung cấp tràn										
	Vật tư chính:										
483	Role thời gian ON DELAY, AC230V	Chức năng: On Relay Điện áp: 230VAC Dải cài đặt: 0,1s~100h Tiếp điểm: 4C/O 3A Kèm theo đế		cái	1,00						
484	Đồng hồ đo dòng điện 200A 96x96mm	Loại: kim chỉ thị Dải đo: 0-200A, 100/5A Kích thước mặt: 96x96mm		cái	1,00						
485	Đồng hồ đo điện áp 500VAC 96x96mm	Loại: kim chỉ thị Dải đo: 0-500VAC Kích thước mặt: 96x96mm		Cái	1,00						
486	Đèn bảo panel vuông YSBSL33-DL24A O, vàng 30x30mm, 24VDC kích thước 5 hàng 5 cột	Loại: chân cắm led có thể tháo rời Kích thước đèn: 30x30mm Kích thước panel: 5x5 (hàng cột) Màu: vàng cam (Orange) Điện áp: 24VDC Có chức năng test		Bộ	2,00						
487	Đèn bảo panel vuông YSBSL33-DL24A G, xanh 30x30mm, 24VDC kích thước 5 hàng 5 cột	Loại: chân cắm led có thể tháo rời Kích thước đèn: 30x30mm Kích thước panel: 5x5 (hàng cột) Màu: Xanh (Green)		Bộ	2,00						

[illegible]

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Dvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
496	Son màu ghi á đông KSC - 107	KSC - 107		kg	3,00						
497	Son chống rỉ màu đỏ Á đông -KSC 205	KSC 205		kg	4,00						
498	Bát đánh rỉ Ø100mm	Ø100mm		cái	8,00						
499	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	1,00						
500	Chổi quét son 2"	Loại: 2", cán nhựa 300g		cái	2,00						
501	Chai xịt RP7	Loại: 20Y		chai	1,00						
502	băng keo điện	Loại: 20Y		cuộn	4,00						
503	Dây rút nhựa 5x300mm	5x300mm		cái	100,00						
504	Dây rút nhựa 8x400mm	8x400mm		cái	100,00						
505	Mỡ bôi trơn Multis EP3	Multis EP3		Kg	0,50						
	CỬA NHẬN NƯỚC										
	Lưới chắn rác										
	Vật tư phụ:										
506	Đá cắt Ø100mm	Ø100mm		viên	2						
507	Đá mài nhám Ø100mm	Ø100mm		viên	10						
508	Giấy nhám P120	P120 230x280mm		tờ	20						
509	Giẻ lau			kg	2						
510	Bàn chải sắt cán gỗ 7x14mm	7x14mm cán gỗ		chiếc	10						
	Gầu vớt rác										
511	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	4						
	Cửa van sửa chữa cửa nhận nước										
512	Đá mài nhám Ø180mm	Ø180mm		viên	1						
513	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	5						
514	Que hàn điện 4mm	4mm		kg	4						
515	Cầu chì sứ Siemens 3NA3 820, 50A, 120kA	3NA3 820, 520A, 120kA Kiểu: gG 3NA3 Công suất ngắt mạch 25kA / 250VDC, 120kA / 500VAC Dòng điện: 50A Điện áp định mức: 250VDC/690VAC Kích thước: NH000 (30x77,8mm)		cái	3						
516	Áp tô mát 3P có bảo vệ quá dòng, nhiệt Siemens, 3RV1031-4EA10, 32A	Bảo vệ quá dòng, nhiệt Số pha: 3P Size : S2 Động cơ ba pha : 15KW Dòng điện định mức : 32A		cái	1						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
		Giải điều chỉnh dòng : 22A ~32A Ngắt ngắn mạch : 416A Dòng ngắn mạch tại 400VAC : 50KA KT (HxWxD): 140x55x149mm									
517	Cao su non	Chất liệu: PTFE. Kích thước: 0.075x12mm Dài 10m		cuộn	3						
	Cửa van sửa chữa sự cố										
	Vật tư chính:										
518	Sơn chống rỉ epoxy 2 thành phần màu ghi A Đông KSC107	KSC107		kg	10,00						
	Vật tư phụ:										
519	Đá cắt Ø100mm	Ø100mm		viên	20						
520	Đá mài nhám Ø100mm	Ø100mm		viên	20						
521	Cao su non	Băng tan, 10m		kg	10						
522	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	10						
523	Cồn công nghiệp 70 độ	70 độ		lít	2						
524	Silicon A300	A300 300g		chai	1						
525	Chai xịt RP7	300g		chai	1						
526	Que hàn điện 4mm	KT: Ø4mm x 300mm		kg	10,00						
527	Que hàn inox 304 2,5mm	KT: Ø2,5mm x 300mm		kg	10,00						
	Thiết bị nâng hạ Cửa nhận nước (Xi lanh thủy lực Và trạm nguồn)										
	Vật tư chính:										
528	Tấm cao su dày 3mm	Khô gioăng rộng: 1m; Chiều dày: 3mm; Loại: chịu dầu, chịu nhiệt; Đáp ứng tiêu chuẩn: ANSI, JIS, DIN, BS...		m2	8,00						
529	Cầu chì sứ 5x25mm, 10A	Loại: gG Kích thước: 5x25mm Dòng điện: 10A		cái	2,00						
530	Áp tô mát 2P 6A	2P 6A		cái	2,00						
531	Áp tô mát 3P 10A	3P 10A		cái	2,00						
532	Đồng hồ đo dòng điện 100A 96x96mm	loại kim chỉ thị Dài đo: 0-100A, 100/5A Kích thước mặt: 96x96mm		cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
533	Áp tô mát 2P 10A	2P 10A		cái	1,00						
534	CBIP: DC 6A + tiếp điểm phụ NDB2Z-63 C6 Nader	DC 6A + tiếp điểm phụ NDB2Z-63 C6 Nader		cái	1,00						
535	Công tắc giới hạn: Omron-WLCA12	Loại: Cản dài có thể điều chỉnh Góc quay: 90o Tốc độ tác động: 1mm/s đến 1m/s Tần số tác động: Cơ: 120 lần/phút; Điện: 30 lần/phút Tiếp điểm: SPDT NC/NO Dòng định mức: 10A (AC), 6A (DC) Điện áp định mức: 125 VAC Điện trở tiếp điểm: 25 MΩ Max Điện trở cách điện: 100 MΩ min. (ở 500 VDC). Nhiệt độ làm việc: -10oC đến 80oC		cái	1						
536	Áp tô mát khối - HYUNDAI - UAB 100C: 75A	HYUNDAI - UAB 100C: 75A		cái	1,00						
537	Vật tư phụ: Bìa Amiang chịu dầu 1270x1300x2mm	1270x1300x2mm		cái	1						
538	Bột trà van mịn			kg	1,00						
539	Dây ni lông D16mm	D16mm		m	5						
540	Giấy nhám P600	P600 230x280mm		tờ	20						
541	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	5						
542	Pin đèn 18650-6800MAH	18650-6800MAH		đôi	2,00						
543	Que hàn điện 2,5mm	2,5mm		kg	10						
544	Vải phin trắng	0,85m		m	10						
545	Các khe van										
545	Đá mài nhám Ø100mm	Ø100mm		viên	2						
546	Cầu chì để cửa nhận nước										
546	Nút nhấn màu xanh Ø22 2NO	Màu: Màu xanh Kiểu: Không duy trì Điện áp vào: 220VAC Kích thước: Ø22mm Tiếp điểm: 2NO Loại: có đèn		Cái	2						
547	Role trung gian 14 chân dẹp 24VDC, có đèn + để	Loại: 14 chân dẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 24VDC		Cái	2						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
		Tiếp điểm: 4C/O; Tiếp điểm: 5A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN									
548	MCB 2P 25A	Số cực: 2P Dòng định mức: 25A Dòng cắt ngắn mạch: 6kA Điện áp định mức: 230V Curve: C		Cái	1						
549	MCCB 3P 200A	EasyPact EZC250F Dòng định mức 200A U _i mp=6kV U _i = 690V~ Height: 165mm Width: 105mm Depth: 60mm		Cái	1						
550	MCCB 3P 30A	Hyundai UDB30S 3P 30A U _i : AC 500V U _e : AC 220V/460V Icu 5kA/2.5kA		cái	1						
551	Đèn hiển thị trạng thái DC 24V (xanh Ø22-ND16-22C/2)	DC 24V (xanh Ø22-ND16-22C/2)		cái	1						
552	Công tắc giới hạn: Omron-WLCA12	Loại: Cần dài có thể điều chỉnh Góc quay: 90o Tốc độ tác động: 1mm/s đến 1m/s Tần số tác động: Cơ: 120 lần/phút; Điện: 30 lần/phút Tiếp điểm: SPDT NC/NO Dòng định mức: 10A (AC), 6A (DC) Điện áp định mức: 125 VAC Điện trở tiếp điểm: 25 MΩ Max Điện trở cách điện: 100 MΩ min. (ở 500 VDC). Nhiệt độ làm việc: -10oC đến 80oC		cái	4						
553	Cầu chì sứ 10x38 5A	Loại: gG Kích thước: 10x38mm Dòng điện: 5A		Cái	10,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Dvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
554	Bộ nguồn tổ ong Meanwell, ACC20V-350W	Điện áp vào: 220VAC Điện áp ra: 24VDC Công suất: 350W Kích thước (DxWxH): 215x115x30mm		cái	1						
555	Đèn báo đỏ 220VAC	Loại: Màu đỏ Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
556	Đèn báo xanh 220VAC	Loại: Màu xanh Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
557	Đèn báo vàng 220VAC	Loại: Màu vàng Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
558	Đồng hồ đo dòng điện 200A 96x96mm	Loại kim chỉ thị Dải đo: 0-200A, 100/5A Sai số: 1.5 Kích thước mặt: 96x96mm		Cái	1,00						
559	Đồng hồ đo điện áp 500VAC 96x96mm	Loại kim chỉ thị Dải đo: 0-500VAC Kích thước mặt: 96x96mm		Cái	1,00						
560	Quạt trần đảo TDI105	TDI105		cái	1						
561	Module chỉnh lưu ZLD-170 AC380V/DC170V	ZLD-170 AC380V/DC170V		cái	1						
	Vật tư phụ:										
562	Giẻ lau										
563	Chai xit RP7	Không quá vụn, thấm dầu tốt 300g		Kg	7						
564	Băng keo điện	Loại: 20Y		chai	3						
565	Mỡ bôi trơn PLC Grease L3	PLC Grease L3		Cuộn	3						
566	Dây xoắn ruột gà bằng nhựa	Cuộn ruột gà phi 12 (10m/bịch)		kg	2						
567	Cọ 2 inch (5cm)	Loại 2 inch, cán nhựa		Bịch	4						
568	Dây rút nhựa 4x200	Loại 2 inch, cán nhựa		cái	1						
569	Dây rút nhựa 5x300	4x200mm		cái	100						
		5x300mm		cái	100						
570	Thiết bị điều khiển cửa nhận nước										
	Đồng hồ đo dòng điện 300A 96x96mm	Loại: kim chỉ thị Dải đo: 0-300A, 300/5A Kích thước mặt 96x96mm		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
571	Đồng hồ đo điện áp 500VAC 96x96mm	Loại: kim chỉ thị Dải đo: 0-500VAC Kích thước mặt 96x96mm		Cái	1,00						
572	Rơ le trung gian 14 chân đẹp 24VDC + đế	Loại: 14 chân đẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 24VDC Tiếp điểm: 4C/O; Tiếp điểm: 5A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN		Cái	1,00						
573	Đèn báo xanh 220VAC	Loại: Màu xanh Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
574	Đèn báo vàng 220VAC	Loại: Màu vàng Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
575	Đèn báo đỏ 220VAC	Loại: Màu đỏ Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
576	Dầu bôi trơn ISOVG46 (HLP-HM 46)	ISOVG46 (HLP-HM 46)		lít	80						
577	Mỡ bôi trơn Multis EP3	Multis EP3		kg	1						
578	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		Kg	3						
579	Dây rút nhựa 8x400mm	8x400mm		cái	100						
580	Chai xịt RP7	300g		chai	2						
	CẦU TRỤC HẠ LƯU VÀ THIẾT BỊ HẠ LƯU										
	Cửa van hạ lưu										
581	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	10						
582	Giấy nhám P120	P120 230x280mm		tờ	4						
583	Bàn chải sắt cán gỗ 7x14mm	7x14mm cán gỗ		chiếc	2						
584	Chổi quét sơn 3"	3" cán nhựa		cái	2						
	Cầu trục hạ lưu										
	Vật tư chính:										
585	Đèn báo màu đỏ 220VAC Ø22	Loại: Màu đỏ Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	5						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Gh chú
586	Nút nhấn màu xanh không duy trì có đèn 220AC Ø22 2NO	Màu: Màu xanh Kiểu: Không duy trì Điện áp vào: 220VAC Kích thước: Ø22mm Tiếp điểm: 2NO Loại: có đèn		cái	1,00						
587	Công tắc xoay 3 vị trí Ø22 2NO	Loại: xoay 3 vị trí Kiểu: có duy trì Đường kính lỗ: Ø22mm Tiếp điểm: 2NO		cái							
588	Nút nhấn màu đỏ không duy trì có đèn 220AC Ø22 2NO	Màu: Màu đỏ Kiểu: Không duy trì Điện áp vào: 220VAC Kích thước: Ø22mm Tiếp điểm: 2NO Loại: có đèn		cái	2,00						
589	Rơ le trung gian 14 chân dẹp 220VAC, có đèn + đế	Loại: 14 chân dẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 220VAC Tiếp điểm: 4C/O; Tiếp điểm: 5A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN		cái	4,00						
590	Áp tô mát 2P 25A	2P 25A		cái	1						
591	Áp tô mát 3P 20A	3P 20A		cái	1						
592	Áp tô mát 3P 100A	3P 100A		cái	1						
593	Bộ nguồn tổ ong Meanwell, AC220V/DC24V-350W	Điện áp vào: 220VAC Điện áp ra: 24VDC Công suất: 350W Kích thước (DxWxH): 215x115x30mm		cái	1,00						
594	Đồng hồ đo dòng điện 200A 96x96mm	Loại: kim chỉ thị Dải đo: 0-200A, 100/5A Kích thước mặt 96x96mm		Cái	1,00						
595	Đồng hồ đo điện áp 500VAC 96x96mm	Loại: kim chỉ thị Dải đo: 0-500VAC Kích thước mặt 96x96mm		Cái	1,00						
596	Rơ le trung gian 14 chân dẹp 24VDC	Loại: 14 chân dẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 24VDC		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
		Tiếp điểm: 4C/O; Tiếp điểm: 5A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN									
597	Công tắc hành trình WLCA12	Loại: Cản dài có thể điều chỉnh Góc quay: 90o Tốc độ tác động: 1mm/s đến 1m/s Tần số tác động: Cơ: 120 lần/phút; Điện: 30 lần/phút Tiếp điểm: SPDT NC/NO Dòng định mức: 10A (AC), 6A (DC) Điện áp định mức: 125 VAC Điện trở tiếp điểm: 25 MΩ Max Điện trở cách điện: 100 MΩ min. (ở 500 VDC). Nhiệt độ làm việc: -10oC đến 80oC Điện áp: 220V - Kích thước: 120x120x38mm		Cái	1,00						
598	Quạt thông gió Sunon DP200A Điện áp: 220V - Kích thước: 120x120x38mm			Cái	1,00						
599	Công tắc xoay 3 vị trí (2NO), Ø22	Loại: xoay 3 vị trí Kiểu: có duy trì Đường kính lỗ: Ø22mm Tiếp điểm: 2NO		Cái	1,00						
600	Đèn báo xanh 24VDC	Loại: Màu xanh Điện áp: 24VDC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
601	Đèn báo đỏ 24VDC	Loại: Màu đỏ Điện áp: 24VDC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
602	Đèn báo xanh 220VAC	Loại: Màu xanh Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
603	Đèn báo đỏ 220VAC	Loại: Màu đỏ Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
604	Đèn báo vàng 220VAC	Loại: Màu vàng Điện áp: 220VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Dvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
	Vật tư phụ:										
605	Silicon A300	300g		chai	3,00						
606	Chai xịt RP7	300g		chai	2,00						
607	Dây rút nhựa 8x400mm	8x400mm		cái	100,00						
608	băng keo điện	Loại: 20Y		cuộn	3,00						
609	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	13,00						
610	Bàn chải sắt cán gỗ 7x14mm	7x14mm, cán gỗ		chếc	30,00						
611	Mỡ bôi trơn PLC Grease L3	PLC Grease L3		kg	5,00						
612	HỆ THÔNG QUAN TRẮC										
	Cảm biến dây rung J2-1-100-T/ Soil Instruments/ Anh	- Cảm biến có thang đo: 100mm; + Độ phân giải (toàn thang): 0.025%; + Độ chính xác (toàn thang): ±0.2%; + Nhiệt độ: -20 to +80°C; + Kích thước: 450mm x Ø19mm; + Vật liệu: thép không gỉ; + IP68; - Cấp: loại 4 lõi, vỏ PUR, đường kính 4mm; - Nhiệt điện trở: NTC 3k Ω, độ chính xác ±0.5°C, độ phân giải: 0.1°C; - Neo: bằng thép mạ kẽm, đường kính 16mm, chiều dài 80mm		Cái	10						
613	Bộ ghép kênh AM16/32B Campbell/USA	- Nguồn cấp: 9.6 đến 16 VDC; - Độ rộng xung đồng hồ (min): 1ms; - Độ bền cơ của tiếp điểm: 50 triệu lần; - Điện áp cực đại của tiếp điểm: 70V; - Số đầu vào: 32; - Chống sét: phù hợp tiêu chuẩn IEC61000-4-5, test level; - Kích thước: 239x102x46mm Phù hợp với hệ thống giám sát CR1000		Bộ	10						
614	Hạt hút ẩm Silicalgel	màu xanh		kg	4,00						
615	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	14,00						
616	Chai xịt RP7	300g		chai	6,00						
617	Đá cắt Ø100mm	Ø100mm		viên	1,00						
618	Dây rút nhựa 5x300mm	5x300mm		cái	100,00						

[illegible]

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Dvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
644	Áp tô mát 3P 63A	3P 63A		cái	1,00						
645	Contactor 3P, AC220V/5A, 2NO, 2NC	3P, AC220V/5A, 2NO, 2NC		cái	1,00						
646	Áp tô mát 2P 50A	2P 50A		cái	1,00						
647	Áp tô mát 1P 16A	1P 16A		cái	1,00						
648	Áp tô mát 1P 32A	1P 32A		cái	1,00						
649	Cầu chì sứ 10x38mm, 5A	Loại: gG Kích thước: 10x38mm Dòng điện: 5A		cái	1,00						
650	Đèn báo đỏ 220VAC	Loại: Màu đỏ Điện áp: 220VAC/DC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	6,00						
651	Đèn báo vàng 220VAC	Loại: Màu vàng Điện áp: 220VAC/DC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	2,00						
652	Nút nhấn màu xanh Ø25	Màu: Màu xanh Kiểu: Nhấn không duy trì Điện áp vào: AC250V/6A Kích thước lỗ: Ø25mm Tiếp điểm: 1NO, 1NC Loại: có đèn led		cái	2,00						
653	Nút nhấn màu đỏ Ø25	Màu: Màu đỏ Kiểu: Nhấn không duy trì Điện áp vào: AC250V/6A Kích thước lỗ: Ø25mm Tiếp điểm: 1NO, 1NC Loại: có đèn led		cái	2,00						
654	Bóng đèn bulb led Rạng đông, led 9W 6500K	Loại: Bulb LED Công suất: 9W Điện áp: 220VAC Nhiệt độ màu: 6500K		Bộ	10,00						
655	Bóng đèn bulb led, Rạng đông led 30W 6500K	Loại: Bulb LED Công suất: 30W Điện áp: 220VAC Nhiệt độ màu: 6500K		Bộ	5,00						
656	Bóng đèn tuýp led T8 rạng đông 18W 6500K	Loại: tuýp LED T8 Công suất: 18W		Bộ	100,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
657	Bộ đèn pha cao áp led 100W 6500K	Điện áp: 220VAC Nhiệt độ màu: 6500K Loại: Led tích hợp bộ Công suất: 100W Điện áp: 220VAC Nhiệt độ màu: 6500K Chống nước: IP68		Bộ	5,00						
658	Đui đèn ren vận Sứ, E41	Đui xoay E41		Cái	2,00						
659	Đèn led chiếu pha CP06 10W 6500K	CP06 10W 6500K		Cái	5,00						
660	Đèn led chiếu pha CP06 50W 6500K	CP06 50W 6500K		Cái	5,00						
661	Bóng đèn đường LED 200W	LED năng lượng mặt trời 200W		Bộ	2,00						
662	Bộ đèn led pha 30W	Loại: Bulb LED Công suất: 30W Điện áp: 220VAC Nhiệt độ màu: 6500K		bộ	5,00						
663	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	3,50						
664	Băng keo điện	Loại: 20Y		cuộn	10,00						
	HỆ THÔNG THÔNG GIÓ										
	Vật tư chính:										
665	Vòng bi trước, sau động cơ 22kW sản 229.5m mã: 6311 ZE, Nachi	6311 ZE, Nachi		Cái	1						
666	Vòng bi trước, sau động cơ 3,5kW sản 229.5m mã: 6305 ZE, Nachi	6305 ZE, Nachi		Cái	1						
667	Vòng bi gối đỡ trục quạt CPL-S6-30D sản 229.5m mã: SNG 510-608	SNG 510-608		Cái	2						
668	Vòng bi thân quạt CPL-S6-30D sản 229.5m mã: 22212CA/W33, SKF	22212CA/W33, SKF		Cái	1						
669	Vòng bi trước động cơ 18,5kW sản 229.5m mã: 6310 ZE, Nachi	6310 ZE, Nachi		Cái	1						
670	Vòng bi sau động cơ 18,5kW sản 229.5m mã: 6308 ZE, Nachi	6308 ZE, Nachi		Cái	1						
671	Vòng bi trước động cơ 10kW sản 224.5m mã: 6208-2Z, SKF	6208-2Z, SKF		Cái	1						
672	Vòng bi sau động cơ 10kW sản 224.5m mã: 6207ZE.2ZR, FAG	6207ZE.2ZR, FAG		Cái	1						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Chú
673	Vòng bi thân quạt CPL-S6-30D sản 236.5m mã: 22210CAK/W33, SKF	22210CAK/W33, SKF		Cái	1						
674	Vòng bi trước động cơ 10.5kW sản 236.5m mã: 6207-2ZR, FAG	6207-2ZR, FAG		Cái	1						
675	Vòng bi sau động cơ 10.5kW sản 236.5m mã: 6208-ZE, Nachi	6208-ZE, Nachi		Cái	1						
676	Vòng bi gối đỡ trục quạt CPL-S6-28D sản 241.5m mã: SNG 511-609	SNG 511-609		Cái	1						
677	Vòng bi thân quạt CPL-S6-28D sản 241.5m mã: 22211CAK/W33, SKF	22211CAK/W33, SKF		Cái	1						
678	Vòng bi trước động cơ 15kW sản 241.5m mã: 6207ZE, FAG	6207 ZE, FAG		Cái	1						
679	Vòng bi sau động cơ 15kW sản 241.5m mã: 6208ZE, FAG	6208 ZE, FAG		Cái	1						
680	Công tắc xoay 3 chế độ: YSAR3-311L-AC 250V 6A	Loại: 3 vị trí Kiểu: có duy trì Điện áp: 220VAC Dòng điện: 6A Đường kính lỗ: Ø25mm Kích thước: 68x32x36mm		cái	1						
681	MCCB 3P 40A	3P 40A		cái	2						
682	MCCB 3P 100A	3P 100A		cái	1						
683	Contactor 3P LS, MC-100A, 2NO, 2NC	Số cực: 3P Dòng định mức: 100A Cuộn hút: 220VAC Kích thước: 94x140x137mm Điện áp hoạt động: 690VAC Tiêu chuẩn: IEC 60947 Tương thích ro le nhiệt: MT-95 Tiếp điểm phụ: 2NO, 2NC		cái	1,00						
684	Contactor 3P LS, MC-40A, 2NO, 2NC	Số cực: 3P Dòng định mức: 40A Cuộn hút: 220VAC Kích thước: 69x83x93mm Điện áp hoạt động: 690VAC Tiêu chuẩn: IEC 60947 Tương thích ro le nhiệt: MT-32 Tiếp điểm phụ: 2NO 2NC		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
685	Rơle nhiệt MT-85-100A	Điện áp hoạt động: 690V Điện áp chịu đựng: 6kV Dải cài đặt: 7~100A Kích thước: 70x97x110mm Phù hợp với contactor MC-100		cái	1,00						
686	Rơle nhiệt LS, MT-32A	Điện áp hoạt động: 690V Điện áp chịu đựng: 6kV Dải cài đặt: 4~65A Kích thước: 45x75x90mm Phù hợp với contactor MC-40		cái	1,00						
687	Đèn báo đỏ 220VAC	Loại: Màu đỏ Điện áp: 220VAC/DC Đường kính lỗ: Ø25mm		cái	1,00						
688	Đèn báo vàng 220VAC	Loại: Màu vàng Điện áp: 220VAC/DC Đường kính lỗ: Ø25mm		cái	2,00						
689	Đèn báo xanh 220VAC	Loại: Màu xanh Điện áp: 220VAC/DC Đường kính lỗ: Ø25mm		cái	2,00						
690	Nút nhấn màu xanh YSNPBL2-T22A, AC250V, 6A Ø25	Màu: Màu xanh Kiểu: Nhấn không duy trì Điện áp vào: AC250V/6A Kích thước lỗ: Ø25mm Tiếp điểm: 1NO, 1NC Loại: có đèn led		cái	2,00						
691	Nút nhấn màu đỏ YSNPBL2-T22A, AC250V, 6A Ø25	Màu: Màu đỏ Kiểu: Nhấn không duy trì Điện áp vào: AC250V/6A Kích thước lỗ: Ø25mm Tiếp điểm: 1NO, 1NC Loại: có đèn led		cái	2,00						
692	Cầu chì sứ 10x38mm, 5A	Loại: gG Kích thước: 10x38mm Dòng điện: 5A		cái	1,00						
	Vật tư phụ:										
693	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	10						
694	Đĩa cắt bê tông Ø125mm	Ø125mm		viên	1						
695	Dây rút nhựa 4x200mm	4x200mm		cái	100						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
	HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA										
	Vật tư chính:										
696	Gas làm lạnh Freon 410A	R410A		Kg	13						
697	Gas làm lạnh Freon R32	R32		Kg	12						
698	Gas làm lạnh R22	R22		Kg	3						
	Vật tư phụ:										
699	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		Kg	4						
	HỆ THỐNG BƠM TIỂU THÂM, THẢO CẠN										
	Vật tư chính:										
700	Áp tô mát khối 3P Schneider EZD100E, 50A	Số cực: 4P Dòng điện định mức: 50A Dòng cắt ngắn mạch: 10kA KT (WxHxD): 130x100x60mm		Cái	1,00						
701	Role trung gian 14 chân đẹp, AC220V	Loại: 14 chân đẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 220VAC Tiếp điểm: 4C/O; Tiếp điểm 5A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN		Cái	2,00						
702	Contactor 3P, 100A, 2NO-2NC	Số cực: 3P Dòng định mức: 100A Cuộn hút: 220VAC Kích thước: 94x140x137mm Điện áp hoạt động: 690VAC Tiêu chuẩn: IEC 60947 Tương thích rơ le nhiệt: MT-95 Tiếp điểm phụ: 2NO, 2NC		Cái	1,00						
703	Contactor 3P, 40A, 2NO-2NC	Số cực: 3P Dòng định mức: 40A Cuộn hút: 220VAC Kích thước: 69x83x93mm Điện áp hoạt động: 690VAC Tiêu chuẩn: IEC 60947 Tương thích rơ le nhiệt: MT-32 Tiếp điểm phụ: 2NO 2NC		Cái	1,00						
704	Áp tô mát 2P 10A	2P 10A		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
705	Cầu chì sứ 5x25mm, 10A	Loại: gG Kích thước: 5x25mm Dòng điện: 10A		Cái	1,00						
706	Đồng hồ đo dòng điện 400A 72x72mm	Loại: kim chỉ thị Dải đo: 0-400A, 400/5A, Kích thước mặt: 72x72mm		Cái	1,00						
707	Rơ le giám sát pha 3UG4615-1CR20	Giám sát 3 pha dải điện áp từ 160-690V cao áp và thấp áp Độ trễ 1-20V; 0-20s cho 1 C/O Có màn hình hiển thị LCD Kích thước HxWxD: 92x22,5x91mm		Cái	1,00						
708	Đèn báo xanh 220VAC/DC	Loại: Màu xanh Điện áp: 220VAC/DC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
709	Đèn báo đỏ 220VAC/DC	Loại: Màu đỏ Điện áp: 220VAC/DC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
710	Đèn báo vàng 220VAC/DC	Loại: Màu vàng Điện áp: 220VAC/DC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
	Vật tư phụ:										
711	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	9,00						
712	Dây rút nhựa 5x300mm	5x300mm		cái	100,00						
713	Chai xịt RP7	300g		chai	3						
714	Loctite 243	50ml		tuýp	1						
	Hệ thống gom dầu gỉ, xử lý dầu bôi trơn										
	Vật tư chính:										
715	Rơ le trung gian 8 chân đẹp 220VAC + đế	Loại: 8 chân đẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 220VAC Tiếp điểm: 2C/O; Tiếp điểm 5A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN		Cái	1,00						
716	Đèn báo đỏ 220VAC	Loại: Màu đỏ Điện áp: 220VAC/DC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
717	Đèn báo vàng 220VAC	Loại: Màu vàng Điện áp: 220VAC/DC Đường kính lỗ: Ø22mm		Cái	1,00						
	Vật tư phụ:										
718	Sơn vàng Jotun 2038	Epoxy 2 thành phần màu vàng nghệ		kg	20						
719	Dung môi pha sơn Thinner 066 EP	Thinner 066 EP		lít	4,5						
720	Cọ 2 inch (5cm)	Loại: 2,5", cán nhựa		Cái	10						
721	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	4						
722	Bất đánh rỉ Ø100mm	Ø100mm		cái	4						
723	Dây rút nhựa 8x400mm	8x400mm		cái	10						
	HỆ THỐNG THÔNG TIN LIÊN LẠC										
	Vật tư chính:										
724	Converter 1G	BTON BT-950GS-20		Bộ	1,00						
725	Converter quang HDD-210G-20 A/B	HDD-210G-20 A/B		cái	1,00						
726	Thiết bị wifi aruba AP-134	aruba AP-134		bộ	10,00						
727	Smart Switch TP-Link TL-SG1016PE PoE 16 cổng với 8 cổng PoE+	TP-Link TL-SG1016PE PoE 16 cổng với 8 cổng PoE+		cái	1,00						
728	Cáp Mạng CommScope AMP cat 5e FTP (Thùng 305m)	Cable FTP, thùng 305m		thùng	3,00						
729	Hạt mạng RJ45 CommScope cat5 (100 chiếc/hộp)	RJ45 hộp 100 cái		hộp	1,00						
	Vật tư phụ:										
730	băng keo điện	Loại: 20Y		cuộn	2,00						
731	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	3,00						
732	Dây rút nhựa 4x200mm	4x200mm		cái	100,00						
	HỆ THỐNG CẦU TRỰC GIẢN										
	MÀY 300/32/5T										
	Vật tư chính:										
733	Nút nhấn màu xanh không duy trì có đèn 220AC Ø22 2NO	Màu: Màu xanh Kiểu: Không duy trì Điện áp vào: 220VAC Kích thước: Ø22mm Tiếp điểm: 2NO Loại: có đèn		cái	4,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
734	Đồng hồ đo điện áp 450VAC 72x72mm	Loại: kim chỉ thị Dải đo: 0-450VAC Kích thước mặt: 80x80mm		cái	1,00						
735	Đồng hồ đo dòng điện 100A 72x72mm	Loại: kim chỉ thị Dải đo: 0-100A, 100/5A, Kích thước mặt: 72x72mm		cái	1,00						
736	Bộ nguồn tổ ong Meanwell, AC220V/DC24V-350W	Điện áp vào: 220VAC Điện áp ra: 24VDC Công suất: 350W Kích thước (DxWxH): 215x115x30mm		cái	1,00						
737	Đèn báo xanh 380VAC	Loại: Màu xanh Điện áp: 380VAC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	1,00						
738	Đèn báo đỏ 220VAC	Loại: Màu đỏ Điện áp: 220VAC/DC Đường kính lỗ: Ø22mm		cái	2,00						
739	Đồng hồ đo điện áp 450VAC 80x80mm	Loại: kim chỉ thị Dải đo: 0-450VAC Kích thước mặt: 80x80mm		Cái	1,00						
740	Đồng hồ đo dòng điện 400A 80x80mm	Loại: kim chỉ thị Dải đo: 0-400A, 400/5A, Kích thước mặt: 80x80mm		Cái	1,00						
741	Rơ le trung gian 14 chân dẹp 230VAC +đế	Loại: 14 chân dẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 220VAC Tiếp điểm: 4C/O; Tiếp điểm 5A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN		cái	1,00						
742	Rơ le trung gian 14 chân dẹp 24VDC	Loại: 14 chân dẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 24VDC Tiếp điểm: 4C/O; Tiếp điểm 5A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN		Cái	1,00						
743	Rơ le trung gian 8 chân dẹp 230VAC	Loại: 8 chân dẹp, có đèn Điện áp cuộn dây: 220VAC Tiếp điểm: 2C/O;		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
744	Bộ nguồn EDR-120-24	Tiếp điểm 5A/250V; Tiêu chuẩn: IEC; Kèm đế gắn ray DIN Điện áp vào: 200-240VAC Điện áp ra: 24VDC/5A Công suất: 120W Kích thước DxRxH: 113,5x40x125,2mm		Bộ	1,00						
745	Đèn báo xanh 220VAC	Loại: Màu xanh Điện áp: 220VAC/DC Đường kính lỗ: Ø22mm Dải đo: 300 - 500 VAC Dải thời gian: 200 ms Khởi động role 0s or 0,1-30s Trip role (ON or OFF) đầu ra tiếp điểm 2 C/O (SPDT) Kích thước DxRxH: 103,7x22,5x85,6mm		Cái	1,00						
746	Giảm sát pha ABB CM-PVS 415			Cái	1,00						
747	Công tắc chuyển mạch 4 vị trí APT LW39-16C-LH3/4	Loại: Cam switch 4 vị trí Số tiếp điểm: 12 Điện áp cách điện: 690V Dòng điện: 16A Dòng điện làm việc AC: AC380V/1,8A Dòng điện làm việc DC: DC220V/0,2A Góc hoạt động: 30°, 45°, 60°, 90° Kích thước lỗ: 22mm		Cái	1,00						
748	Công tắc chuyển mạch 3 vị trí APT LW39-16C-YH4/2	Loại: Cam switch 3 vị trí Số tiếp điểm: 12 Điện áp cách điện: 690V Dòng điện: 16A Dòng điện làm việc AC: AC380V/1,8A Dòng điện làm việc DC: DC220V/0,2A Góc hoạt động: 90° 0 90° Kích thước lỗ: 22mm		Cái	1,00						

TT	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT (Đồng/Đvt)	Thuế suất GTGT (%)	Thuế GTGT (Đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế GTGT (Đồng)	Thời gian bảo hành	Ghi chú
749	Module chỉnh lưu ZLD-170 AC380V/DC170V	ZLD-170 AC380V/DC170V		cái	1						
	Vật tư phụ:										
750	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	9						
	THANG MÁY										
	Vật tư phụ:										
751	Giẻ lau	Không quá vụn, thấm dầu tốt		kg	0,5						
752	Đèn led âm trần Philip 9W	âm trần Philip 9W		cái	4						
753	Đá cắt Ø100mm	Ø100mm		viên	3						
754	Dầu bôi trơn hộp số castrol 80W-90	castrol 80W-90		lít	2						
Tổng cộng											

(Bảng chữ:)

(*) Đề nghị Quý đơn vị báo giá chào đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật, nhà sản xuất, xuất xứ của vật tư; trường hợp Quý đơn vị báo giá chào không đầy đủ một trong các thông tin nêu trên dẫn tới không đủ cơ sở để đánh giá vật tư do Quý đơn vị đề xuất đáp ứng về thông số kỹ thuật theo yêu cầu thì đơn giá do Quý đơn vị chào cho mục vật tư đó sẽ không được xem xét khi lập dự toán. Vật tư cùng loại cùng thông số kỹ thuật, xuất xứ báo nhiều giá khác nhau thì chọn đơn giá thấp nhất để lập dự toán.

